

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản
và kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo
và không theo quy định**

Kính gửi: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội.

Thực hiện nội dung giám sát của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội tại Văn bản số 396/UBKHCNMT15 ngày 19/01/2022 và ý kiến tại buổi làm việc ngày 26/4/2022, UBND tỉnh Bình Định bổ sung, hoàn thiện báo cáo việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản và kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, cụ thể như sau:

I. Tổng quan chung

Bình Định là tỉnh ven biển duyên hải Nam Trung bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là một trong những tỉnh có tiềm năng về biển và hải đảo, với 134 km bờ biển tiếp giáp với biển Đông chạy dài từ đầu đến cuối tỉnh, có 03 đầm phá là đầm Thị Nại diện tích 5.060 ha, đầm Đề Gi- diện tích 1.580 ha, đầm Trà Ổ diện tích 1.200 ha. Đây là điều kiện thuận lợi cho phát triển thủy sản ở địa phương.

Bình Định có 11 huyện, thị xã và thành phố, trong đó có 05 huyện, thị xã, thành phố có nghề cá phát triển là Quy Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ và Hoài Nhơn chiếm 36% diện tích và 67% dân số toàn tỉnh; có những trung tâm kinh tế, văn hoá, chính trị lớn như thành phố Quy Nhơn, thị xã Hoài Nhơn. Vùng ven biển Bình Định có nhiều tiềm năng về kinh tế, có cảng quốc gia được nối liền với vùng Tây Nguyên và Lào, Campuchia bởi đường Quốc lộ 19.

Vùng biển Bình Định có trữ lượng cá nổi, cá đáy, tôm, mực khá đa dạng và phong phú, trong đó sản lượng cá ngừ đánh bắt được hàng năm từ 55.000 đến 60.000 tấn, có các loài đặc sản có giá trị kinh tế cao như: Tôm hùm, Cua Huỳnh đế, Sò, cá Ngựa, Hải sâm... Bên cạnh đó, vùng này còn có nhiều loài rong và thực vật có giá trị sử dụng trong chăn nuôi, trồng trọt và y dược, đặc biệt là rong câu chỉ vàng có hàm lượng aga lớn, cần thiết cho công nghiệp y dược và thực phẩm.

Khai thác thủy sản chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế thủy sản (sản lượng khai thác chiếm trên 95% tổng sản lượng thủy sản), các nghề khai thác chính là: nghề câu, lưới vây, lưới rê, màn chụp khai thác các loại cá nổi lớn và cá nổi nhỏ, đối tượng khai thác chính là các loài cá ngừ, cá thu, cá chuồn, cá trích, cá nục, mực... Toàn tỉnh hiện có 5.967 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét trở

lên đăng ký với 41.934 lao động tham gia hoạt động khai thác. Sản lượng khai thác thủy sản biển bình quân giai đoạn 2018-2021 đạt 249.914 tấn/năm; (năm 2018 là 243.221 tấn, năm 2019 là 245.620 tấn, năm 2020 là 252.103 tấn, năm 2021 là 258.140 tấn).

Vùng nước lợ của tỉnh gắn liền với nhiều đầm, phá và các cửa sông nối với biển Đông, có nồng độ muối thấp, nguồn thức ăn phong phú và đa dạng rất thích hợp cho các loài thủy sản sinh trưởng và phát triển. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ, nhất là nuôi tôm. Diện tích nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh khoảng 3.990,5 ha, trong đó nuôi trồng thủy sản nước lợ có 1.998,5 ha, nuôi trồng thủy sản nước ngọt khoảng 1.500 ha, bao gồm các hình thức nuôi cá quảng canh hồ chứa thủy lợi, nuôi cá ao, nuôi cá trong ao lót bạt, nuôi cá lồng trên hồ chứa với thể tích khoảng 30.000 m³; nuôi trồng thủy sản nước mặn chủ yếu là nuôi lồng, bè, bao gồm ương nâng cấp và nuôi thương phẩm tôm hùm lồng, nuôi thương phẩm cá lồng biển với tổng thể tích khoảng 49.900 m³. Sản lượng nuôi trồng thủy sản bình quân giai đoạn 2018-2021 đạt 11.463 tấn/năm; (năm 2018 là 10.250 tấn, năm 2019 là 11.421 tấn, năm 2020 là 11.679 tấn, năm 2021 là 12.650 tấn).

Về chế biến thủy sản, toàn tỉnh hiện có hơn 339 cơ sở sản xuất chế biến kinh doanh thủy sản nội địa vừa và nhỏ; có 07 Công ty chế biến thủy sản công nghiệp, tập trung chủ yếu ở thành phố Quy Nhơn: Công ty thực phẩm xuất nhập khẩu Lam Sơn, Công ty cổ phần thủy sản Bình Định, Công ty cổ phần đông lạnh Quy Nhơn (F16), Công ty cổ phần thủy sản Hoài Nhơn, Công ty TNHH Thành Thái, Công ty TNHH Mãi Tín, Công ty Thủy sản An Hải với tổng công suất khoảng 19.500 tấn/năm. Sản lượng chế biến thủy sản luôn tăng trưởng hàng năm (năm 2018 đạt: 13.000 tấn, năm 2019 đạt 14.995 tấn, năm 2020 đạt: 14.500 tấn, năm 2021 đạt 19.734 tấn). Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản từ năm 2018 đến năm 2021 tăng trưởng khá cao (năm 2018 đạt: 76,3 triệu USD, năm 2019 đạt 78 triệu USD, năm 2020 đạt 65,5 triệu USD, năm 2021 đạt 101,2 triệu USD).

Kinh tế thủy sản có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh: Tổng sản lượng thủy sản năm 2021 đạt 270.790 tấn, trong đó: sản lượng khai thác thủy sản đạt 258.140 tấn tăng 2,39 % so với cùng kỳ năm 2020, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 12.650 tấn, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2020. Cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp chiếm gần 30 % giá trị GDP của tỉnh, trong đó thủy sản (chủ yếu là thủy sản khai thác) chiếm hơn 35% giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành thủy sản bình quân giai đoạn 2018-2021 là 4,19%/năm; trong đó: năm 2018 là 5,51%, năm 2019 là 6,61%, năm 2020 là 2,46%, năm 2021 là 2,2%.

II. Việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản từ năm 2018-2021.

1. Đánh giá việc ban hành chính sách pháp luật về nuôi, chế biến thủy sản

1.1. Về Nuôi trồng thủy sản

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa (XII) ban hành Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành 16 văn bản về chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý trong nuôi trồng và chế biến thủy sản. bao gồm 01 Luật Thủy sản, 03 Nghị định (NĐ 17/2018/NĐ-CP, NĐ 26/2019/NĐ-CP, NĐ 42/2019/NĐ-CP) và 12 Thông tư.

- Tỉnh ủy Bình Định ban hành 02 Chương trình hành động, UBND tỉnh ban hành 02 chỉ thị, 12 Quyết định để chỉ đạo các Sở, ngành và chính quyền địa phương triển khai thực hiện về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

Nhìn chung việc ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của Đảng, Chính phủ, Bộ ngành về nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội. Mặt khác, thường xuyên tổ chức các Đoàn công tác kiểm tra tình hình thực tế sản xuất theo các Quy chuẩn, tiêu chuẩn như: QCVN 02-19: 2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm; QCVN 02-22:2015/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở nuôi cá lồng/ bè nước ngọt. Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường, QCVN 40-2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Đồng thời nêu những tồn tại, hạn chế trong sản xuất và có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế.

UBND tỉnh Bình Định chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch và ban hành nhiều văn bản quy định thực hiện cơ chế chính sách địa phương về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản theo quy định, đã tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý nhà nước và điều kiện thuận lợi đối với cá nhân, tổ chức trong hoạt động nuôi trồng thủy sản, thúc đẩy ngành nuôi trồng thủy sản của tỉnh phát triển và nâng cao ý thức cho nhân dân chấp hành pháp luật thủy sản.

1.2. Về chế biến thủy sản

- Từ năm 2018 đến nay, việc ban hành chính sách pháp luật về chế biến thủy sản đã được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng được ban hành, Chính phủ đã có nhiều nghị định, quyết định...nhằm cụ thể hóa các định hướng của Đảng. Trên cơ sở những đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tỉnh Bình Định đã kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến việc quản lý lĩnh vực chế biến thủy sản nhằm triển khai nhanh chóng các chủ trương, định hướng đến các cấp, các ngành về quản lý lĩnh

vực chế biến thủy sản tại địa phương. Tỉnh Ủy đã ban hành 02 Chương trình hành động; UBND tỉnh ban hành 05 Quyết định và 01 Kế hoạch để chỉ đạo các Sở, ngành chính quyền địa phương triển khai thực hiện.

Việc ban hành các văn bản và chỉ đạo điều hành của tỉnh Bình Định trong thời gian qua phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các quy định về chế biến thủy sản. Với sự tích cực trong chỉ đạo đã nâng cao được nhận thức của người dân về việc chấp hành các quy định của pháp luật về chế biến thủy sản tạo được niềm tin trong nhân dân, thu hút được ngày càng nhiều người dân tham gia vào chế biến thủy sản.

2. Đánh giá việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản

2.1. Quy hoạch, đầu tư hạ tầng cho nuôi trồng, chế biến thủy sản

- Về nuôi trồng thủy sản: So với quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, đã phát triển nguồn nhân lực, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao (UDCNC) tại các vùng nuôi tôm tập trung và tại Khu Nông nghiệp UDCNC phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ. Kết quả đến năm 2020, cơ bản đã đạt, vượt các mục tiêu, kế hoạch đề ra và hiện đang tiếp tục triển khai thực hiện theo định hướng các mục tiêu đến năm 2030. Cụ thể: diện tích nuôi tôm nước lợ đến nay là 1.998,5 ha, tăng 3,92 % so với quy hoạch; thể tích nuôi cá lồng biển khoảng 25.700 m³, tăng 73,5 % so với quy hoạch; đã đầu tư, nâng cấp 3 cơ sở hạ tầng vùng nuôi (mương cấp, thoát nước, ao xử lý chất thải,...), bao gồm: Vùng nuôi Đa dạng hóa xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ diện tích 60 ha; vùng nuôi An toàn sinh học Công Lương xã Hoài Mỹ, Thị xã Hoài Nhơn diện tích 19 ha; vùng nuôi An toàn sinh học Đông Điền xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước diện tích 24 ha.

+ Về phát triển nuôi tôm UDCNC tại Khu nông nghiệp UDCNC phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, Công ty TNHH Việt Úc - Phù Mỹ đã xây dựng và đưa vào sản xuất với diện tích 116 ha, Công ty đã được UBND Bình Định đã phê duyệt Báo cáo tác động môi trường tại Quyết định số 4817/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp giấy xác nhận về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, việc xử lý "hở" khi mùa mưa sẽ bị tràn nước trong khu xử lý gây ô nhiễm cho khu vực lân cận, đã kiểm tra và đề nghị Công ty khắc phục.

+ UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu nông nghiệp UDCNC phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với tổng diện tích 375 ha, gồm các hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận và chuyển giao khoa học công nghệ, sản xuất tôm giống, sản xuất tôm thương phẩm, nhà máy sản xuất thức ăn, nhà máy chế biến tôm, nhằm hình thành chuỗi liên kết trong cung ứng con giống, thức ăn, sản xuất, chế biến và tiêu thụ tôm thương phẩm. Hiện

nay, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất dự án đầu tư, xây dựng tiêu chí, hình thức lựa chọn nhà đầu tư và giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện lựa chọn nhà đầu tư tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành theo quy định.

+ Kết quả đầu tư cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản: tổng vốn đầu tư 70,059 tỷ đồng gồm NSTW 54,999 tỷ đồng, NSDP 15,06 tỷ đồng, thực hiện các Dự án *Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ (2015-2019)* do UBND huyện Phù Mỹ làm chủ đầu tư phục vụ nuôi tôm công nghệ cao với quy mô 375 ha, với tổng mức đầu tư: 30,1 tỷ đồng (trong đó NSTW 30 tỷ đồng, NSDP: 0,1 tỷ đồng). Dự án *Xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn (2015-2018)* cung cấp nguồn nước mặn cho diện tích 30,2 ha ao nuôi tôm với mức đảm bảo cấp nước 90% với tổng mức đầu tư 24,999 tỷ đồng từ nguồn vốn Trung ương. Dự án Trung tâm cá Koi Nhật Bản - Bình Định thực hiện tại xã Mỹ Châu huyện Phù Mỹ (2017-2018), với tổng mức đầu tư 14,96 tỷ đồng từ nguồn ngân sách địa phương.

- Về chế biến thủy sản

+ Thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 theo Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 30/5/2015, trong đó UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch các khu chế biến thủy sản tập trung. Đến nay, một số khu chế biến thủy sản đang được xây dựng cơ sở hạ tầng để kêu gọi các nhà đầu tư chế biến vào hoạt động; các nhà máy, cơ sở chế biến thủy sản xây dựng mới đều được cấp phép xây dựng trong các Khu, cụm công nghiệp dành cho Chế biến thủy sản như tại khu Kinh tế Nhơn Hội (*Công ty TNHH thực phẩm Mãi Tín với diện tích 5 ha, Công ty TNHH Thủy sản An Hải với diện tích 3 ha*). Các nhà máy, cơ sở chế biến nằm trong các khu dân cư đang từng bước di dời vào các Khu cụm công nghiệp, theo Quyết định 4180/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án Bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông, lâm, thủy, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025.

+ Về chế biến thủy sản nội địa: Toàn tỉnh hiện có hơn 339 cơ sở sản xuất chế biến kinh doanh thủy sản nội địa vừa và nhỏ sản xuất, thu mua, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm thủy sản; chế biến các sản phẩm phối chế có thủy sản; sản xuất nước đá phục vụ bảo quản thủy sản. Hầu hết các cơ sở sản xuất thủy sản truyền thống có quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, nằm phân tán trong các khu dân cư, tập trung chủ yếu ở thành phố Quy Nhơn và các huyện Phù Cát, Phù Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn và huyện Tuy Phước.

+ Về chế biến thủy sản xuất khẩu: Toàn tỉnh có 07 Công ty chế biến thủy sản công nghiệp, tập trung chủ yếu ở thành phố Quy Nhơn: Công ty thực phẩm xuất nhập khẩu Lam Sơn, Công ty cổ phần thủy sản Bình Định, Công ty cổ phần đông lạnh Quy Nhơn (F16), Công ty cổ phần thủy sản Hoài Nhơn, Công ty TNHH Thành Thái, Công ty TNHH Mãi Tín, Công ty Thủy sản An Hải với tổng công

suất khoảng 19.500 tấn/năm. Các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu của tỉnh được tiếp tục đầu tư chiều sâu, tăng năng lực sản xuất, đổi mới thiết bị công nghệ, từng bước thực hiện đa dạng hóa mặt hàng gắn với tăng cường áp dụng các chương trình, hệ thống quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm tiên tiến để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường quốc tế.

2.2. Về điều kiện môi trường đối với cơ sở nuôi, chế biến thủy sản

- Đối với Nuôi trồng thủy sản

+ UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn người sản xuất nuôi trồng thủy sản thân thiện với môi trường để không xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường; xây dựng mô hình nuôi an toàn sinh học giảm thiểu chất thải ra môi trường.

+ Đa số cộng đồng người nuôi trồng thủy sản tuân thủ theo sự hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT, mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững được nhân rộng đặc biệt là các mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến, góp phần giảm thiểu dịch bệnh và ô nhiễm môi trường duy trì theo hướng bền vững, ổn định cuộc sống của cộng đồng dân cư.

+ Người nuôi có ý thức cao trong việc thực hiện lịch thời vụ, chọn con giống chất lượng và trong công tác phòng chống dịch bệnh, đã có sự phối hợp tốt với các tổ chức có liên quan khi dịch bệnh tôm xảy ra; Phần lớn hộ nuôi có ý thức chấp hành tốt việc sử dụng hóa chất, kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản theo đúng quy định nhằm góp phần ổn định môi trường nuôi.

- Đối với các cơ sở chế biến thủy sản

+ Công tác bảo vệ môi trường có vai trò và tầm quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành chức năng liên quan cần ưu tiên xem xét yếu tố môi trường khi tiến hành thẩm định cấp giấy phép đầu tư, đặc biệt không cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án chế biến thủy sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Từ năm 2018 đến nay, các sở, ngành chức năng liên quan của tỉnh đã phối hợp rất chặt chẽ trong công tác thẩm định, phê duyệt nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, đối với việc xử lý chỉ tiêu phụ khác đó là “mùi hôi” vẫn chưa triệt để. Hầu hết công nghệ của hệ thống xử lý nước thải hiện đại sử dụng công nghệ hóa lý kết hợp với vi sinh. Ở một số công đoạn xử lý hóa lý và vi sinh: tuyển nổi, lắng, anoxic, hiếu khí... được thiết kế bề mặt thoáng để tăng tính hiệu quả của công nghệ, điều này dẫn đến mùi hôi phát sinh trong quá trình xử lý. Các cơ sở chế biến cũng đã có các biện pháp nhằm khắc phục tối đa vấn đề này bằng cách: vệ sinh xung quanh thường xuyên, tăng tần suất phun hóa chất khử mùi, khử trùng các khu vực có nguy cơ gây mùi, lắp đặt hệ thống hấp thụ mùi bằng than hoạt tính... và cam kết sẽ xử lý triệt để mùi hôi trong thời gian tới để không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm trong lĩnh vực chế biến thủy sản; điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình chế biến luôn được chú trọng (điều kiện vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ thu gom rác thải, vệ sinh môi trường xung quanh nơi sản xuất, kinh doanh; điều kiện đảm bảo vệ sinh, xử lý chất thải) là một trong những tiêu chí để xếp loại, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Kết quả: từ năm 2018 đến nay đã cấp cho 450 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trong đó có 172 cơ sở chế biến thủy sản.

+ Công tác thông tin tuyên truyền về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong chế biến thủy sản được tăng cường, bằng nhiều hình thức trong đó luôn lồng ghép các nội dung về công tác bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức cho tổ chức cá nhân tham gia chế biến thủy sản để các cơ sở tự giác chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Về quy trình nuôi, chế biến thủy sản; quan trắc môi trường đầu vào; trang thiết bị kiểm soát môi trường nuôi, chế biến thủy sản

- Về quy trình nuôi trồng thủy sản:

+ Hoạt động nuôi trồng thủy sản (sản xuất giống và nuôi thương phẩm) thực hiện tốt các quy trình sản xuất nuôi trồng thủy sản: sản xuất giống thủy sản thực hiện quy trình vi sinh, nuôi thương phẩm thực hiện quy trình nuôi tôm an toàn sinh học như nuôi 2-3 giai đoạn, nuôi Semi-Biofloc, nuôi tôm kết hợp cá rô phi ..., hạn chế sử dụng thuốc kháng sinh, hóa chất và tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học.

+ Đối với diện tích nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, cơ sở hạ tầng được đầu tư theo quy định (ao lắng, ao chứa) và áp dụng công nghệ hiện đại (công nghệ Biofloc) có hệ thống quan trắc môi trường tự động, góp phần tăng sản lượng nuôi, đảm bảo chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

+ Về quan trắc môi trường nước đầu vào: Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với hệ thống quan trắc viên địa phương tiến hành thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước cấp tại 12 điểm thuộc các vùng nuôi tập trung trong tỉnh; sử dụng các thiết bị như khúc xạ kế nhãn hiệu ATAGO; pH meter CYBERSCAN pH; máy quang phổ hấp thụ (DR3900, USA; buồng cấy vi sinh CAPTAIR bio; tủ ấm nuôi cấy vi sinh SHELLAB ... để thực hiện kiểm tra các thông số như: nhiệt độ, pH, độ mặn, độ kiềm, COD, NO₃, NO₂, NH₃, PO₄, Vibrio tổng số.

- Về quy trình chế biến thủy sản: các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu đã tích cực đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị (kho đông lạnh, dây chuyền IQF, xe lạnh...). Đầu tư các dây chuyền, tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn như: ISO 9001, Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Tiêu chuẩn sạch Quốc tế (GLOBAL GAP)... Ngoài ra, đối với các nhà máy xuất khẩu qua thị trường EU, Cơ quan quản lý thực phẩm của các nước nhập khẩu

trước khi cho doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường trong nước đều đã kiểm tra điều kiện sản xuất và quản lý thực phẩm của nhà máy sản xuất và cung cấp thực phẩm (Gọi tắt là Code EU).

2.4. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong quan trắc, cảnh báo, xử lý ô nhiễm môi trường nuôi, chế biến thủy sản; kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường nuôi thủy sản

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thông qua hệ thống quan trắc viên cơ sở, triển khai công tác quan trắc môi trường nước các vùng nuôi trồng thủy sản trong tỉnh. Trên cơ sở kết quả quan trắc đã đề xuất, khuyến cáo các giải pháp kỹ thuật về môi trường kịp thời và thông tin đến người nuôi, đăng tải trên Website Sở Nông nghiệp và PTNT, Bản tin Nông, lâm, thủy sản. Qua đó người nuôi cập nhật kết quả quan trắc phục vụ trong việc quản lý môi trường ao nuôi, tạo điều kiện chủ động trong công tác quản lý ao nuôi, phòng ngừa dịch bệnh.

- Kết quả quan trắc hàng năm cho thấy:

+ Đối với vùng nuôi nước lợ: các thông số như nhiệt độ, pH, độ kiềm, COD, NO₃, NO₂ nằm trong ngưỡng thích hợp đối với các đối tượng nuôi; độ mặn có giá trị trung bình dao động lớn tại các vùng trong tỉnh. Riêng giá trị trung bình các thông số NH₃, PO₄ tại một số thời điểm có giá trị vượt ngưỡng cho phép, tuy nhiên vẫn còn phù hợp với việc nuôi trồng thủy sản nước lợ.

+ Đối với vùng nuôi thủy sản nước mặn và nuôi nước ngọt: nhìn chung diễn biến chất lượng nước ổn định, các thông số môi trường nằm trong ngưỡng thích hợp với thủy sản nuôi.

- Tại các cơ sở chế biến thủy sản: Thực hiện đúng theo nội dung quy định tại báo cáo đánh giá tác động môi trường, định kỳ báo cáo, lấy mẫu kiểm soát môi trường tại cơ sở chế biến thủy sản để đánh giá, theo dõi.

2.5. Xử lý chất thải trong nội bộ cơ sở nuôi; chế biến thủy sản (đầu tư cho công tác xử lý, vận hành thiết bị, ...) việc tuân thủ quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn về xử lý chất thải, nước thải trong hoạt động nuôi, chế biến thủy sản

- Về nuôi trồng thủy sản: Biện pháp xử lý đã được áp dụng gồm thu gom, vận chuyển bùn thải đến khu vực an toàn, nuôi cá trong ao thải, sử dụng vi sinh trong ao thải để giảm thiểu lượng dư thừa thức ăn cũng như mùn bã hữu cơ dưới đáy ao, đồng thời dùng men vi sinh, chế phẩm sinh học, hóa chất để cải tạo môi trường cho ao và trong suốt quá trình nuôi. Nhờ vậy, cải thiện lượng chất thải, nước thải sau mỗi vụ nuôi giúp ổn định môi trường trong Nuôi trồng thủy sản và hệ sinh thái tự nhiên của vùng nuôi và vùng lân cận. Ngoài các vùng nuôi có sự hỗ trợ của các chương trình, dự án, các vùng có diện tích ao nuôi lớn có đầu tư hệ thống xử lý nước thải ở các vùng nuôi tập trung.

- Về chế biến thủy sản: Hầu hết các cơ sở đều tuân thủ đúng các quy định về xử lý chất thải trong lĩnh vực chế biến thủy sản; một số các cơ sở chế biến tiêu thụ nội địa đã thiết lập và áp dụng quy phạm vệ sinh (SSOP).

2.6. Hệ thống tổ chức quản lý, phân công thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý nuôi, chế biến thủy sản; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Thực hiện Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Nội vụ và Thông tư 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về nuôi trồng, chế biến thủy sản, cơ cấu tổ chức quản lý thủy sản tỉnh như sau:

- Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý, chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên quản lý nhà nước về lĩnh vực Nuôi trồng, chế biến thủy sản gồm: Chi cục Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

+ Chi cục Thủy sản: Tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về nuôi trồng, thức ăn thủy sản, chất lượng giống thủy sản, khai thác, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y: hướng dẫn sản xuất chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai đối với chăn nuôi; Kiểm tra, thanh tra cơ sở sản xuất được cấp giấy chứng nhận VietGAP và hoạt động đánh giá, chứng nhận VietGAP của tổ chức chứng nhận về chăn nuôi được chỉ định theo thẩm quyền; Giám sát, kiểm tra và hướng dẫn việc thực hiện quy chế quản lý cơ sở sản xuất chăn nuôi an toàn; tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sản xuất chăn nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản: Là đơn vị đầu mối về công tác quản lý chất lượng, ATTP nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định; chịu trách nhiệm quản lý chất lượng và ATTP các cơ sở chế biến thủy sản cỡ nhỏ theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Cấp huyện, thành phố, thị xã: Việc quản lý về nuôi trồng, chế biến thủy sản được giao cho Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế, có 01 Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách, có từ 01-02 cán bộ theo dõi, tham mưu triển khai thực hiện.

- Đối với cấp xã, phường: UBND xã, phường giao cho Phó Chủ tịch xã phụ trách và 01 nhân viên theo dõi, tham mưu về thủy sản.

- Về cơ chế hoạt động: Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh chịu sự điều hành của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT; Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT (kinh tế) các huyện, thành phố, thị xã và UBND

xã, phường trong việc chỉ đạo, triển khai kế hoạch sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật, quản lý vùng Nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường nhằm xử lý kịp thời các vi phạm về quản lý chất lượng, ATTP; đã thực hiện thanh tra kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm tại 330 cơ sở SXKD nông lâm thủy sản.

2.7. Chính sách về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nuôi và chế biến thủy sản; quản lý nuôi và khai thác thủy sản

Trong những năm qua, nguồn nhân lực phục vụ phát triển nuôi và chế biến thủy sản; quản lý nuôi và khai thác thủy sản ngày càng thiếu hụt trầm trọng. Đảng và Nhà nước ta đã xác định nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu trong tất cả các lĩnh vực nên trong chủ trương, chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành thủy sản thì việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, cán bộ khuyến ngư các cấp là hết sức cần thiết và cấp bách, ưu tiên đào tạo chuyên ngành công nghệ sinh học, các ngành ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản; phải tiếp tục đầu tư, nâng cấp các trường đại học, Viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo thủy sản hiện có, cả về cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu; cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo; khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập các cơ sở nghiên cứu, đào tạo ngoài công lập nhằm thu hút đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật; đào tạo nguồn nhân lực cho ngành thủy sản.

Tỉnh Bình Định đã tập trung xây dựng chiến lược đào tạo dài hạn và đào tạo lại để có lực lượng lao động và cán bộ quản lý có trình độ thích ứng với đòi hỏi của hội nhập, trước mắt là thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng từ khâu tổ chức khai thác, nuôi trồng, bảo quản và chế biến; có chính sách trọng dụng nhân tài, đãi ngộ hợp lý đối với người lao động, cử tuyển con em ngư dân đi đào tạo tại các trường Đại học, các trường kỹ thuật và trường dạy nghề thủy sản, đặc biệt đối với lĩnh vực khai thác thủy sản, hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên, cán bộ trẻ ngành thủy sản đi đào tạo trình độ cao (đại học, thạc sỹ, tiến sỹ) tại các trường Đại học trong nước và ở các nước tiên tiến; coi trọng đào tạo bồi dưỡng thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy tàu cá. Kết quả từ năm 2019 đến nay (*Luật Thủy sản 2017 có hiệu lực*) UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, Hiệp hội Thủy sản tỉnh phối hợp với Trường Đại học Nha Trang tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ cho 1.343 thuyền trưởng, 1.369 máy trưởng, 3.439 thợ máy tàu cá. Phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh đảm bảo đầy đủ các hệ thống chức danh, vị trí việc làm của cơ quan liên quan đến thủy sản của tỉnh được rà soát, điều chỉnh phù hợp định hướng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao; Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan liên quan đến lĩnh vực thủy sản địa phương được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng. 100% cán bộ công chức, viên chức, kiểm ngư viên được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, nghiệp vụ kiểm ngư, ngoại ngữ, tin học; 50% thuyền viên tàu kiểm ngư, thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản và cộng tác viên nông cốt được bồi dưỡng, tập huấn, huấn

luyện các kỹ năng nghiệp vụ kiểm ngư; Khoảng 40% lao động khai thác hải sản xa bờ được tập huấn, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng;

2.8. Một số tồn tại hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách pháp luật về nuôi, chế biến thủy sản

- Việc triển khai cấp giấy xác nhận đối tượng nuôi thủy sản chủ lực/nuôi lồng bè theo quy định Luật Thủy sản 2017 còn hạn chế, đến nay chỉ cấp được 413 giấy/391,9 ha, chiếm 18,6% diện tích nuôi hiện có của tỉnh, do hộ nuôi không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một số diện tích nuôi ngoài quy hoạch, không có giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện; không có quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Nuôi trồng thủy sản trên biển của tỉnh còn hạn chế vì đặc điểm của vùng biển Bình Định là vùng biển hở bị ảnh hưởng, tác động trực tiếp của gió bão; còn trong vùng đầm, vịnh thì độ mặn không ổn định.

- Việc thực hiện QCVN 40-2011/BTNMT đối với chất lượng nước thải tại các cơ sở nuôi tôm và cơ sở chế biến thủy sản là không phù hợp với thực tế.

- Việc kêu gọi đầu tư phát triển nhà máy chế biến xuất khẩu của tỉnh trong thời gian qua còn hạn chế: tỉnh Bình Định có đội tàu và sản lượng khai thác hàng năm lớn (trên 250.000 tấn) nhưng số lượng nhà máy chế biến ít (7 nhà máy với tổng công suất 19.500 tấn) chưa đáp ứng nhu cầu phát triển thủy sản của tỉnh.

- Số lượng cơ sở chế biến nhỏ lẻ, thủ công ở địa phương còn nhiều, việc kiểm soát ô nhiễm môi trường còn khó khăn. Năng lực thiết bị chế biến của Bình Định còn hạn chế, nhất là công nghệ thiết bị vẫn còn lạc hậu, vừa nhỏ lại vừa thiếu đồng bộ nên rất hạn chế cho việc triển khai sản xuất lớn, đa dạng hóa mặt hàng; còn đối với cá cơ sở chế biến thủy sản các sản phẩm truyền thống, phần lớn các cơ sở chưa đầu tư các trang bị thiết bị phục vụ trong sản xuất, chế biến.

- Nguồn nhân lực phục vụ phát triển nuôi và chế biến thủy sản ngày càng thiếu hụt trầm trọng, chưa đáp ứng với nhu cầu thực tế của địa phương.

III. Việc thực hiện chính sách pháp luật về kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định

1. Đánh giá việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định

1.1. Các quy định của EC về kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định

Ngày 23/10/2017, EC cảnh báo “Thẻ vàng” đối với hoạt động khai thác IUU và đưa ra 09 khuyến nghị yêu cầu Việt Nam cần phải thực hiện để chống khai thác IUU, gỡ “Thẻ vàng”¹.

Để kiểm tra kết quả thực hiện các khuyến nghị, phía EC đã tổ chức 02 đợt kiểm tra thực tế tại Việt Nam vào tháng 5/2018 và tháng 11/2019 và tiếp tục đưa ra 4 nhóm khuyến nghị yêu cầu Việt Nam cần thực hiện trong thời gian tới gồm: (1) *Khung pháp lý*; (2) *Theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá, quản lý đội tàu*; (3) *Chứng nhận sản lượng và truy xuất nguồn gốc thủy sản từ khai thác*; (4) *Thực thi pháp luật*. Từ năm 2020 đến nay, do tình hình dịch bệnh covid-19, phía EC không thể sang Việt Nam kiểm tra thực tế;

1.2. Các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định

- Thường trực Ban Bí thư đã ban hành Văn bản số 81-CV/TW ngày 20/3/2020 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống khai thác IUU; trong đó yêu cầu người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp đề cao trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống khai thác IUU; triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban chỉ đạo quốc gia về IUU; coi đây là nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách tại địa phương.

- Thủ tướng Chính phủ đã: Ban hành 03 Chỉ thị, 03 Công điện, 02 Quyết định, trong đó giao trách nhiệm chống khai thác IUU cụ thể cho các Bộ, Ban, Ngành và Ủy Ban nhân dân 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển.

- Thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định tại Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày

¹ (1). *Sửa đổi khung pháp lý để đảm bảo tuân thủ các quy tắc quốc tế và khu vực áp dụng cho việc bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản*; (2) *Đảm bảo thực hiện và thực thi có hiệu quả pháp luật quốc gia*; (3) *Tăng cường việc thực hiện có hiệu quả các quy tắc quốc tế và các biện pháp quản lý thông qua một chế độ xử phạt đầy đủ được thực thi và theo dõi*; (4) *Khắc phục những thiếu sót đã được xác định trong thanh tra, kiểm soát và giám sát tàu cá đáp ứng được các quy định quốc tế và khu vực và yêu cầu của EC về chứng nhận khai thác*; (5) *Tăng cường quản lý và cải tiến hệ thống đăng ký và cấp phép khai thác*; (6) *Cân bằng năng lực khai thác và chính sách phát triển tàu cá*; (7) *Tăng cường truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản và thực hiện tất cả các bước cần thiết, phù hợp với luật pháp quốc tế; để ngăn chặn các sản phẩm thủy sản đánh bắt bất hợp pháp được buôn bán và nhập khẩu vào Việt Nam*; (8) *Tăng hợp tác với các quốc gia khác phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế*; (9) *Đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ thu thập và báo cáo số liệu cho các tổ chức quản lý nghề cá khu vực*.

20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Ban hành Quy chế hoạt động theo Quyết định số 146/QĐ-BCĐIUU ngày 03/9/2019 của Trưởng Ban Chỉ đạo; Ban hành Quyết định số 939/QĐ-TTg, ngày 14/6/2021 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo quốc gia về IUU; Ban hành Chỉ thị số 17/CT-TTg, ngày 24/6/2021 về cơ chế phối hợp liên ngành giữa các ban, bộ, ngành và UBND 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển trong trao đổi, xử lý thông tin nhằm ngăn chặn, tiến tới chấm dứt tình hình tàu cá Việt Nam vi phạm các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) ở vùng biển nước ngoài.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đã: Ban hành gần 100 văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia, quy định của Luật Thủy sản, các quy định về chống khai thác IUU; Thường xuyên tổ chức các Đoàn công tác kiểm tra tại địa phương, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn địa phương khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế; đề nghị kiểm điểm trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực hiện Luật Thủy sản, các quy định về chống khai thác IUU.

- Chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định (khóa XI) đã ban hành Chỉ thị số 43-CT/TU ngày 12/12/2018 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định.

+ UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo và ban hành 68 văn bản chỉ đạo thực hiện, trong đó có 01 Chỉ thị, 35 Quyết định, 17 văn bản chỉ đạo và tổ chức 15 cuộc họp để đánh giá, rút kinh nghiệm và có thông báo chỉ đạo cho các Sở, ngành và chính quyền địa phương triển khai các giải pháp cấp bách về khắc phục thẻ vàng của Ủy ban châu Âu EC, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm và quan trọng trong lĩnh vực phát triển thủy sản của tỉnh. Đồng thời, tổ chức 14 đợt kiểm tra thực tế công tác triển khai thực hiện tại các địa phương ven biển.

+ Sở Nông nghiệp và PTNT thành lập Ban Chỉ đạo, tham mưu Kế hoạch triển khai hàng năm và ban hành trên 50 văn bản chỉ đạo và đề nghị các Sở, ngành, địa phương liên quan phối hợp triển khai thực hiện; tham mưu tổ chức 30 đợt công tác kiểm tra thực tế tình hình triển khai thực hiện tại các cảng cá, UBND xã/phường ven biển.

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển đã thành lập Ban chỉ đạo và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố. Đưa nội dung “*tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài*” vào tiêu chí xét thi đua, khen thưởng hàng năm. Người đứng đầu chính quyền địa phương cấp huyện, xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện và UBND tỉnh nếu để tàu cá vi phạm.

2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định, tập trung vào các nội dung sau

2.1. Các quy định của EC về kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định

Sau hơn 04 năm triển khai thực hiện, tỉnh Bình Định có nhiều nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp cấp bách và bước đầu ghi nhận một số chuyển biến tích cực, đặc biệt là công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh về IUU và công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT và sự nỗ lực của UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển trong việc khắc phục các cảnh báo “thẻ vàng” của EC. Kết quả triển khai các quy định về chống khai thác IUU đã có sự chuyển biến hơn so với trước như lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá (đạt 98,20%), đánh dấu tàu cá đã có sự tiến bộ rõ rệt (đạt 91%); Công tác thực thi pháp luật trong xử phạt đối với hành vi khai thác IUU đã được chú trọng, đặc biệt là xử lý vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài, vi phạm quy định về thiết bị VMS; Công tác kiểm soát tàu cá ra, vào cảng, kiểm soát sản lượng thủy sản qua cảng đã được tăng cường; nhận thức của người dân được nâng lên rõ rệt, thể hiện sự tuân thủ các quy định của Luật Thủy sản, các văn bản hướng dẫn Luật cũng như triển khai các giải pháp chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu cho nhiệm vụ chống khai thác IUU như: tàu cá vi phạm khai thác hải sản trái phép vùng biển nước ngoài vẫn còn và chưa có dấu hiệu chấm dứt, còn diễn biến phức tạp; việc điều tra, xử lý tàu cá khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài chưa kịp thời, chưa đảm bảo tính răn đe, nghiêm minh của pháp luật; công tác cưỡng chế thi hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các chủ tàu cá/thuyền trưởng vi phạm vùng biển nước ngoài còn khó khăn, hạn chế. Phía Ủy ban Châu Âu khẳng định sẽ không gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” nếu Việt Nam tiếp tục để tình trạng tàu cá vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài.

2.2. Thực trạng công tác quản lý khai thác thủy sản của Bình Định

2.2.1. Về quản lý đội tàu, năng lực khai thác: Số lượng tàu khai thác vùng lồng, vùng khơi; cấp giấy phép khai thác thủy sản, trang thiết bị thông tin liên lạc, giám sát hành trình (VMS), ghi, nộp nhật ký khai thác thủy sản; phân định ranh giới trên biển, phân định vùng khai thác,...

- Về công tác quản lý tàu cá: Thực hiện Điều 62 của Luật Thủy sản năm 2017, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và ban hành “*Quy định Tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong vùng nước nội địa trên địa bàn tỉnh Bình Định*” tại Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND, ngày 05/9/2019 để có cơ sở trong việc cấp chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá... theo hạn ngạch và đặc thù riêng của tỉnh Bình Định. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 5.967 tàu cá có chiều dài từ 06 m trở lên đăng ký tham gia hoạt động khai thác thủy sản, trong đó tàu từ 6 m đến dưới 12 m có 1.588 tàu (chiếm 26,6%), từ 12 m đến dưới 15 m có 1.117 tàu (chiếm 18,6%), chiều dài từ 15 m trở lên có 3.262 tàu (chiếm 54,8%); tập trung khai thác bằng

các nghề chủ lực như: Nghề câu 2.330 chiếc, nghề vây 1.460 chiếc, nghề rê 445 chiếc, nghề kéo 395 chiếc và một số nghề khác 1.353 chiếc.

- Về cấp giấy phép khai thác thủy sản:

+ Đối với việc cấp giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi: thực hiện Quyết định số 1481/QĐ-BNN-TCTS, ngày 02/5/2019 (nay là Quyết định số 1223/QĐ-BNN-TCTS, ngày 23/03/2021) của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1481/QĐ-BNN-TCTS ngày 02/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giao hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản tại vùng khơi cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó giao hạn ngạch vùng khơi cho tỉnh Bình Định là 3.266 hạn ngạch (lưới kéo: 70, Vây: 1.187; lưới rê: 64; Câu: 1.590; Mành chụp: 294; nghề khác: 32), UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các cơ quan và các địa phương liên quan cấp phép khai thác thủy sản vùng khơi theo hạn ngạch được phân bổ. Đến nay, đã cấp được 3.201 giấy (chiếm 98,1%).

+ Đối với cấp phép hạn ngạch cho tàu cá vùng lộng và vùng bờ: trong khi chờ kết quả điều tra nguồn lợi theo quy định, căn cứ vào số lượng tàu cá hiện có trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 về việc công bố hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản tại vùng lộng và vùng ven bờ của tỉnh Bình Định, trong đó vùng ven bờ là 1.588 hạn ngạch, vùng lộng là 1.117 hạn ngạch. Đến nay, đã cấp được 1.317 giấy (vùng lộng: 822/1117 giấy (chiếm 73,6%), vùng bờ: 495/1.588 giấy (chiếm 31,2%)).

+ Còn lại 1.449 tàu (chiếm 24,28%) chưa thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác thủy sản, chủ yếu là tàu cá khai thác ở vùng biển ven bờ, vùng lộng, nguyên nhân: Tàu cá tự ý cải hoán, sang tên, đổi chủ khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan chức năng; hoạt động nghề khai thác bị cấm theo Thông tư 19; chủ tàu ‘chây ì’ không thực hiện thủ tục để được cấp Giấy phép khai thác thủy sản.

- Kết quả lắp thiết bị giám sát hành trình tàu cá (VMS): Thực hiện Luật Thủy sản 2017 và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, từ tháng 6/2019, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch, phối hợp với UBND các huyện/thành phố ven biển và các đơn vị liên quan để thông báo, tuyên truyền vận động ngư dân thực hiện lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định. Tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ kinh phí mua sắm, lắp đặt trang thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá cho ngư dân trên địa bàn tỉnh Bình Định, trong đó hỗ trợ 50% kinh phí lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đối với toàn bộ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 m trở lên của tỉnh trong đó nguồn kinh phí hỗ trợ từ nhà tài trợ và nguồn ngân sách tỉnh. Đến nay đã hỗ trợ cho 2.966 tàu với tổng số tiền 30.158.150.000 đồng. (Kinh phí của các nhà tài trợ: 21.700.000.000 đồng, Ngân sách tỉnh: 8.458.150.000 đồng). Hiện nay, 100% tàu có chiều dài từ 15 mét trở lên hoạt động khai thác trên địa bàn tỉnh đã được trang bị thiết bị giám sát hành trình theo quy định (3.201 tàu đã lắp đặt VMS, trong đó Lmax từ 15-24 m: 3.133 tàu; Lmax ≥ 24 m: 68 tàu). Còn lại 59 tàu cá chưa lắp đặt do tất cả các tàu cá này

không đi hoạt động khai thác và chưa được cấp giấy phép khai thác thủy sản theo quy định.

+ Để quản lý, khai thác và sử dụng thông tin hệ thống giám sát hành trình, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành các Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 “*Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu của hệ thống giám sát tàu cá trên địa bàn tỉnh Bình Định*” và Quyết định 2489/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 “*Quy trình Tiếp nhận thông tin, xử lý dữ liệu giám sát hành trình đối với tàu cá tỉnh Bình Định vượt ranh giới cho phép trên biển, không duy trì hoạt động hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển*”.

+ Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã văn bản số 605/SNN-TS ngày 23/3/2020 về việc thực hiện phân quyền sử dụng hệ thống giám sát tàu cá, phân quyền 14 tài khoản (Công an tỉnh; BCH Biên phòng tỉnh; Ban Chỉ huy PCTT-TCN tỉnh; UBND các huyện, thành phố Quy Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn; các Cảng cá Quy Nhơn, Đền Gi, Tam Quan; Chi cục Thủy sản) để theo dõi, giám sát tàu cá và phối hợp xử lý các vi phạm theo quy định.

+ UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức phân công trực Trạm bờ Thông tin liên lạc 24/24 giờ để giám sát các tàu cá trên biển, thông báo đến thuyền trưởng, chủ tàu về tình trạng tàu cá sắp vượt ra ngoài ranh giới vùng biển tự do đánh bắt của Việt Nam, tàu cá sắp vi phạm vùng biển nước ngoài, tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài, tàu cá không duy trì hoạt động hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển (mất tín hiệu kết nối trên biển) và cung cấp thông tin này đến các cơ quan chức năng liên quan và địa phương để phối hợp xử lý. Kết quả:

Đối với tàu cá bị cảnh báo vượt ra ngoài vùng tự do đánh bắt: Năm 2020 phát hiện và cảnh báo 317 lượt tàu (208 tàu), vượt ra ngoài vùng tự do đánh bắt của Việt Nam. Trong đó, Vịnh Bắc Bộ: 128 tàu, phía bắc Hoàng Sa 26 tàu, giáp Philippines: 20 tàu, Vịnh Thái Lan: 03 tàu, giáp với Malaysia: 31 tàu; Năm 2021 phát hiện 85 lượt tàu/70 tàu bị cảnh báo (chủ yếu ở khu vực vùng biển Vịnh Bắc Bộ giáp ranh giữa Việt Nam và Trung Quốc: 65 lượt). Đã chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp làm các chủ tàu/thuyền trưởng nhưng chưa đủ cơ sở để xử lý vi phạm nên tuyên truyền, nhắc nhở, giáo dục chủ tàu cam kết không tái phạm.

Đối với tàu cá mất kết nối trên biển trên 10 ngày: năm 2020 có 64 lượt/ 62 tàu. năm 2021: có 69 lượt/65 tàu . Đã làm việc 15 trường hợp, xử phạt vi phạm hành chính 06 trường hợp với tổng số tiền 130 triệu đồng, 09 trường hợp thuyền trưởng sử dụng thiết bị khác để báo cáo hoặc nằm trong trường hợp bất khả kháng; các trường hợp còn lại, tàu cá hoạt động khai thác và thường xuyên về các cảng cá ngoài tỉnh nên chưa làm việc, xử lý.

- Về việc ghi, nộp nhật ký khai thác thủy sản: Thực hiện Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT giao cho Ban quản lý các cảng cá trên địa bàn tỉnh giám sát việc bốc dỡ thủy sản qua cảng, thu nhật ký khai thác, báo cáo khai thác. Tính

đến nay, tất cả các tàu cá có chiều dài 12 m trở lên khi cập cảng bán cá đều phải nộp nhật ký khai thác thủy sản theo quy định.

- Về hiệp thương xác định và công bố ranh giới vùng khai thác thủy sản ven bờ giữa hai tỉnh Bình Định - Phú Yên và Bình Định - Quảng Ngãi: Thực hiện Nghị định 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ, UBND tỉnh phối hợp với UBND các tỉnh Phú Yên, Quảng Ngãi ban hành Quyết định Công bố ranh giới quản lý khai thác thủy sản ven bờ tỉnh Bình Định với các tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên trên cơ sở các Bản thỏa thuận phân vùng ranh giới quản lý khai thác thủy sản ven bờ do UBND tỉnh Bình Định và UBND tỉnh Quảng Ngãi ký ngày 15/01/2014, Bản thỏa thuận phân vùng ranh giới quản lý khai thác thủy sản ven bờ do UBND tỉnh Bình Định và UBND tỉnh Phú Yên ký ngày 05/4/2014.

2.2.2. Về quản lý nguồn gốc thủy sản khai thác: Xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, xuất nhập khẩu thủy sản để chế biến, tiêu thụ

Thực hiện Luật Thủy sản 2017, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4123/QĐ-UBND, 4124/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 và Quyết định số 4954/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về công bố mở cảng cá theo quy định. Đồng thời, chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, lập danh sách, báo cáo Tổng cục Thủy sản đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố cảng cá chỉ định có đủ hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác. Theo Quyết định số 3997/QĐ-BNN-TCTS ngày 12/10/2020 và Quyết định số 5014/QĐ-BNN-TCTS ngày 23/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, đến nay Bình Định có Cảng cá Quy Nhơn, Cảng cá Đê Gi, Cảng cá Tam Quan là 03 cảng cá chỉ định có đủ hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác.

Kết quả thực hiện từ năm 2019 đến năm 2021 như sau:

- Ban quản lý các cảng cá đã cấp 1.446 giấy xác nhận cho 34.914 tấn thủy sản, trong đó: năm 2019: 790 giấy/15.234 tấn, năm 2020: 369 giấy/10.538 tấn, năm 2021: 287 giấy/9.142 tấn thủy sản.

- Chi cục Thủy sản cấp 664 giấy chứng nhận cho 6.294,886 tấn thủy sản các loại (năm 2019: 194 giấy/1.796,692 tấn, năm 2020: 162 giấy/1.658 tấn, năm 2021: 308 giấy/2.840,194 tấn).

2.2.3. Bảo tồn nguồn lợi thủy sản trong khai thác

- Thực hiện Luật Thủy sản 2017 và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND các huyện thị xã, thành phố ven biển rà soát, hướng dẫn xây dựng và thành lập các Tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đến nay đã có 04 tổ chức cộng đồng đã được công nhận và giao quyền quản lý khu vực biển có diện tích xác định theo Luật Thủy sản 2017 với tổng diện tích là 46,134 ha và có 220 thành viên tham gia tổ chức cộng đồng.

- Công tác bảo vệ các loài thủy sản quý hiếm đặc biệt là rùa biển đã được tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng ngư dân. Người dân đã nhận thức được công tác bảo vệ các loại động vật hoang dã, quý hiếm và tự giác giao nộp cho cơ quan chức năng như: Trong năm 2021, ngư dân xã Cát Tiến và xã Cát Khánh giao nộp 2 cá thể Rùa biển (Đồi mồi và Vích) do thu mua và bị mắc lưới về với môi trường biển tự nhiên, một ngư dân phường Đông Đa giao nộp rùa cá sấu- một loài sinh vật ngoại lai từ Bắc Mỹ đã được chuyển giao cho vườn thú FLC chăm sóc nuôi dưỡng. Ngoài ra, Tổ chức cộng đồng xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn đã tổ chức 05 lượt bảo vệ, di dời đến nơi an toàn bãi đẻ của rùa (thuộc loài Rùa Xanh, Vích (*Chelonia mydas*) - thuộc Nhóm “đang bị đe dọa” theo phân loại của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế IUCN, Phụ lục I của công ước CITES về cấm buôn bán vận chuyển quốc tế) với 476 quả trứng.

2.2.4. Đầu tư hạ tầng nghề cá

- Về cơ sở hạ tầng và dịch vụ nghề cá: Tỉnh Bình Định có 03 cảng cá được công bố theo quy định: Cảng cá Quy Nhơn, Cảng cá Đền Gi, Cảng cá Tam Quan là cảng cá loại II. Trong đó, Cảng cá Quy Nhơn được đầu tư xây dựng mở rộng, hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2012 với tổng diện tích vùng nước cảng 20,6 ha, độ sâu luồng vào cảng 7 m, diện tích vùng đất cảng 3,5 ha, trang thiết bị chủ yếu phục vụ bốc dỡ hàng hóa được cơ giới hóa trên 70%, số lượt tàu cá về qua cảng trung bình 10.000 lượt/năm, năng lực bốc dỡ hàng hóa 40.000 tấn/năm, tổng sản lượng thủy sản lên cảng ước đạt 37.000 tấn/năm; Cảng cá Đền Gi được đầu tư xây dựng, mở rộng và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2014 với tổng diện tích vùng nước cảng trên 10 ha, độ sâu luồng vào cảng 5 m, diện tích đất cảng 2,5 ha, trang thiết bị chủ yếu phục vụ bốc dỡ hàng hóa được cơ giới hóa trên 70%, số lượt tàu cá về qua cảng trung bình 7.300 lượt/năm, năng lực bốc dỡ hàng hóa 20.000 tấn/năm, tổng sản lượng thủy sản lên cảng ước đạt 15.000 tấn/năm; Cảng cá Tam Quan được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động vào năm 2021 với tổng diện tích vùng nước cảng 10 ha, độ sâu luồng vào cảng 5 m, diện tích đất cảng 3,8 ha, trang thiết bị chủ yếu phục vụ bốc dỡ hàng hóa, số lượt tàu cá về qua cảng 20.000 lượt/năm, năng lực bốc dỡ hàng hóa 40.000 tấn/năm, tổng sản lượng thủy sản lên cảng ước đạt 20.000 tấn/năm.

Ngoài ra, tỉnh Bình Định còn có Cảng cá Nhơn Châu: đã hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 2000 thuộc chương trình Biển Đông- Hải Đảo, với tổng chiều dài cầu cảng 85 m, chủ yếu phục vụ cho tàu cá ở địa phương. Tuy nhiên, qua thời gian sử dụng và do điều kiện khí tượng hải văn phức tạp nên cầu cảng đang ngày càng xuống cấp.

Bên cạnh đó, Bình Định có 02 bến cá được đầu tư xây dựng (bến cá Tân Phụng có diện tích 20.000 m², bến cá Nhơn Lý có diện tích: 6.000 m²). Để phục vụ cho việc lên cá của các tàu cá nhỏ hoạt động gần bờ.

- Về khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá: Theo quy hoạch, tỉnh Bình Định có 02 khu neo đậu chính, bao gồm:

+ Khu neo đậu Đầm Đê Gi: Có diện tích 1.580 ha, thuộc huyện Phù Cát và huyện Phù Mỹ, phần lớn diện tích mặt nước đã bị bùn, cát bồi lấp cục bộ; luồng lạch ra vào khu neo đậu còn nhỏ, hẹp và thường xuyên bị bồi lấp cộng với tàu thuyền đánh bắt ngày càng có dung tích, công suất lớn nên không đảm bảo cho các tàu cá vào sâu trong đầm mà chỉ neo đậu tại vùng nước gần trước khu vực cảng cá Đê Gi với khả năng neo đậu với số lượng tối đa khoảng 400 chiếc. Hiện tại, Khu neo đậu Đầm Đê Gi đang được đầu tư xây dựng.

+ Khu neo đậu Tam Quan: Có diện tích 60 ha, thuộc thị xã Hoài Nhơn, có khả năng chứa tối đa là (1000-1200) tàu, được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2011. Tuy nhiên, tổng số tàu của huyện Hoài Nhơn đã lên đến 2.500 tàu, ngoài ra trong những tháng mưa bão, khu neo trú đậu bão còn tập trung khoảng (250-300) tàu của huyện Phù Mỹ và tỉnh Quảng Ngãi. Điều này đã gây quá tải cho khu neo đậu cộng với luồng lạch cửa Tam Quan vẫn còn nhỏ, hẹp và thường xuyên bị bồi lấp, trong khi đó tàu thuyền đánh bắt ở vùng biển xa ngày càng có dung tích, công suất lớn nên việc ra vào cửa Tam Quan rất khó khăn và không đảm bảo an toàn.

- Đầu tư hạ tầng cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, hạ tầng quản lý cảng cá: tổng vốn đầu tư 124.565.911.000 đồng (*Vốn vay: 114.014.266.000 đồng, vốn đối ứng: 10.551.645.000 đồng*), cụ thể như sau: Đầu tư thực hiện nâng cấp cảng cá Đê Gi: 53.056.198.000 đồng; Đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường cảng cá Quy Nhơn: 13.894.596.000 đồng; Đầu tư nâng cấp bến cá Tân Phụng: 18.528.715.000 đồng; Đầu tư nâng cấp bến cá Nhơn Lý: 18.528.715 đồng; 39.086.402.000 đồng.

2.2.5. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thủy sản, kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định; kinh phí, nguồn lực tổ chức thực hiện. Bộ - Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố Cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; Từ ngày 01/9/2019, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT giao Ban quản lý các cảng cá trên địa bàn tỉnh giám sát việc bốc dỡ thủy sản qua cảng, xác nhận tàu cá rời, cập cảng cá và giao Chi cục Thủy sản tổ chức kiểm tra tàu cá rời, cập cảng. Hiện nay, Chi cục Thủy sản đã thành lập 03 Tổ IUU tại 03 cảng cá Đê Gi, Quy Nhơn và Tam Quan, mỗi tổ gồm 03 thành viên để kiểm tra tàu cá cập cảng, rời cảng theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT. Kết quả: năm 2019 đến năm 2021 đã kiểm tra 21.056 lượt tàu rời cảng, kiểm tra 16.949 lượt tàu cập cảng, đảm bảo đạt tỷ lệ theo quy định.

- Về thực thi pháp luật, kiểm tra, xử lý vi phạm:

+ Kết quả ngăn chặn, chấm dứt tình trạng tàu cá Việt Nam vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài:

Về tình hình tàu cá vi phạm bị nước ngoài bắt giữ: Năm 2018 có 22 tàu/175 thuyền viên; năm 2019 có 19 tàu cá/130 thuyền viên; Năm 2020 có 11 tàu/73 thuyền viên; năm 2021 (từ tháng 2-5), có 16 tàu/97 thuyền viên, từ tháng 6/2021 đến 12/2021, Bình Định không có tàu cá bị nước ngoài bắt giữ.

Nguyên nhân: Một số ngư dân vì lợi ích kinh tế đã cố ý đưa tàu cá đi khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài; Đa phần chủ tàu không trực tiếp tham gia khai thác mà thuê mướn thuyền trưởng điều khiển, tự tổ chức đánh bắt. Vì vậy, để có thu nhập cao, thuyền trưởng cố tình xâm phạm vùng biển các nước khác để khai thác thủy sản bất hợp pháp; Việc phân định ranh giới trên biển giữa các nước trong khu vực, đặc biệt ở vùng biển phía Nam của Việt Nam chưa rõ ràng, nên có trường hợp tàu khai thác hải sản ở vùng chồng lấn, vùng đang có tranh chấp đã bị lực lượng tuần tra nước ngoài bắt giữ, đưa về nước họ để xử lý; Một số trường hợp tàu gặp gió bão hoặc chạy tránh trú bão, tàu bị hỏng máy trôi trên biển... bị dạt vào các vùng biển nước ngoài nhưng không biết các biện pháp xin hỗ trợ khẩn cấp nên đã bị bắt giữ.

Công tác xử lý: từ năm 2018 đến nay UBND tỉnh đã ban hành 36 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 36 trường hợp với tổng số tiền 23.435 triệu đồng và quyết định tịch thu, bán sung công quỹ Nhà nước đối với 02 trường hợp tàu cá bị bắt và được thả về (*có 04 chủ tàu nộp, số tiền 340 triệu đồng*); Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản của tất cả các tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài bị bắt; gửi đăng công khai trên website của Tổng cục Thủy sản về danh sách các tàu khai thác bất hợp pháp (IUU); UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức kiểm điểm trách nhiệm chủ tàu, thuyền trưởng các tàu cá vi phạm; Kiểm điểm trách nhiệm cá nhân của Lãnh đạo UBND xã, UBND huyện, thị xã, thành phố có tàu cá vi phạm, bị bắt.

+ Kết quả xử lý đối với các vi phạm về khai thác IUU: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các lực lượng chức năng triển khai việc thanh tra, tuần tra, kiểm soát để xử phạt các trường hợp tàu cá vi phạm theo quy định. Kết quả xử lý đối với các vi phạm về khai thác IUU từ năm 2018 đến năm 2021, đã tổ chức 207 chuyến tuần tra, kiểm soát, kiểm tra phát hiện xử lý 257 trường hợp vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền phạt 1.321,7 triệu đồng. Ngoài ra, các tổ IUU tại cảng cá đã làm việc xử lý 13 trường hợp vi phạm với số tiền xử phạt 257 triệu đồng, trong đó: 06 trường hợp mất kết nối thiết bị giám sát hành trình trên 10 ngày; 05 trường hợp khai thác sai vùng tuyến; 01 trường hợp ghi thông tin nhật ký khai thác không đúng, không đủ; 01 trường hợp vi phạm quy định tại cảng cá; ngoài ra các Tổ IUU còn phối hợp với địa phương và cơ quan chức năng xử lý 02 trường hợp, giao cho đơn vị liên quan xử phạt với tổng số tiền 22 triệu đồng.

2.2.6. Đánh giá về nhận thức và hoạt động nâng cao nhận thức của người dân về kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định và những thay đổi trong quản lý khai thác thủy sản từ 2018-2021

- Nhờ sự quan tâm vào cuộc của các cấp Ủy đảng, chính quyền địa phương và cả hệ thống chính trị của tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện các giải pháp chống khai thác IUU. Đây là điều kiện tiên quyết để thực hiện các giải pháp chống khai thác IUU đảm bảo các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

- Nhờ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn, nên nhận thức của người dân được nâng lên rõ rệt, thể hiện sự tuân thủ các quy định của Luật Thủy sản, các văn bản hướng dẫn Luật cũng như triển khai các giải pháp chống khai thác IUU trên địa bàn tỉnh, cụ thể như: chủ tàu, thuyền trưởng thực hiện báo cáo trước 01 giờ khi tàu cập, rời cảng, ghi và nộp nhật ký khai thác thủy sản đúng quy định, tuân thủ sự điều động của Ban quản lý các cảng cá,....

- Nhờ làm tốt công tác lắp đặt và quản lý thiết bị giám sát hành trình tàu cá, nên đã quản lý được nhóm tàu khai thác vùng khơi, số tàu của ngư dân vi phạm IUU thấp hơn so với các năm, góp phần tăng cường năng lực công tác quản lý tàu cá, quản lý hoạt động khai thác của cơ quan chức năng và hỗ trợ tích cực trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn tàu cá trên biển.

- Nhờ làm tốt quy trình kiểm tra, kiểm soát tàu cá tại cảng nên kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm khai thác IUU. Bên cạnh đó, các Ban quản lý cảng cá trên địa bàn tỉnh đã tập trung chỉ đạo tốt công tác kiểm tra, giám sát sản lượng khai thác thủy sản của các tàu cá nên góp phần thực hiện tốt công tác xác nhận và chứng nhận nguồn gốc khai thác thủy sản.

- Ngoài ra, việc phối hợp tuần tra kiểm soát của các lực lượng chức năng có liên quan (Thanh tra Thủy sản, Biên phòng, cảnh sát đường thủy) đã làm hạn chế việc tàu cá vi phạm khai thác IUU trên địa bàn tỉnh, các tàu cá khai thác thủy sản ở vùng khơi đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn Luật.

2.2.7. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

- Mặc dù UBND tỉnh đã chỉ đạo rất quyết liệt; các ngành, các cấp, chính quyền địa phương đã có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, cũng như các quy định, hình thức xử lý vi phạm của một số nước, nhưng tình trạng tàu cá vi phạm bị nước ngoài bắt giữ vẫn chưa chấm dứt hẳn: (năm 2018: 22 tàu, năm 2019: 19 tàu, năm 2020: 11 tàu, năm 2021: 16 tàu).

- Bình Định có gần 40% tàu cá (khoảng 2.000 chiếc) hoạt động di chuyển ngư trường và thường xuyên hoạt động xuất nhập bến và về neo đậu ở các vùng biển phía Nam, có nguy cơ cao vi phạm vùng biển nước ngoài nhưng hàng năm không về địa phương nên rất khó khăn trong công tác tuyên truyền các quy định và quản lý tàu thuyền, xử lý vi phạm. Để khắc phục tình trạng trên, UBND tỉnh

Bình Định đã ban hành Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 25/9/2019, quy định tàu cá hàng năm phải về địa phương để quản lý và tuyên truyền các quy định của pháp luật về thủy sản, ngăn chặn khai thác trái phép vùng biển nước ngoài; tuy nhiên Thanh tra Bộ Tư pháp đề nghị bãi bỏ quy định trên.

- Về thiết bị giám sát hành trình: trong quá trình quản lý, vận hành hệ thống giám sát hành trình tại Bình Định gặp một số khó khăn như: Việc đồng bộ dữ liệu giữa hệ thống giám sát tàu của Tổng cục Thủy sản và các đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình chưa thống nhất, một số trường hợp tàu cá bị mất tín hiệu kết nối trên biển, sau khi kiểm tra, xác minh thông tin, làm việc với chủ tàu và đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình thì thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá hoạt động bình thường và dữ liệu có trong hệ thống của đơn vị cung cấp; Một số thiết bị có tín hiệu chập chờn, không đáp ứng quy định.... Tình hình tàu cá bị cảnh báo hoạt động ngoài vùng tự do đánh bắt và tàu cá mất tín hiệu kết nối trên biển tuy có giảm so với năm 2020 nhưng vẫn còn, đa số các tàu cá trên hoạt động và về bên ngoài tỉnh nên khó khăn trong công tác xử lý. Chưa có chế tài việc xử lý vi phạm hành chính đối với các tàu cá bị cảnh báo qua hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

- Công tác quản lý cảng cá trên địa bàn tỉnh còn bất cập, chưa giám sát được sản lượng của toàn bộ tàu thuyền cập cảng, nhất là tàu cá dưới 15 m khai thác vùng lộng và vùng bờ.

- Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính còn gặp nhiều khó khăn: Từ năm 2018 đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 36 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 36 trường hợp với tổng số tiền với tổng số tiền 23.435 triệu đồng. Tuy nhiên đến nay, có 04 chủ tàu nộp, số tiền 340 triệu đồng, các trường hợp còn lại chưa thi hành Quyết định xử phạt do hoàn cảnh của chủ tàu rất khó khăn không thể tổ chức cưỡng chế theo quy định.

- Cơ sở hạ tầng nghề cá và dịch vụ hậu cần nghề cá tuy đã được đầu tư nhưng chưa tương xứng với tiềm năng phát triển kinh tế thủy sản. Đặc biệt là các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, cảng cá hiện nay đã quá tải, thiếu một nguồn vốn rất lớn để đầu tư, xây dựng, cần có sự hỗ trợ của Trung ương để đầu tư, nâng cấp xây dựng hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đạt chuẩn, đáp ứng phục vụ nhu cầu cho tàu cá trong tỉnh và khu vực.

3. Việc khắc phục các vi phạm, gỡ thẻ vàng của EC

3.1. Về khung pháp lý

Hệ thống pháp luật về thủy sản đã được hoàn thiện và cơ bản đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế, đảm bảo quản lý, phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm. Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật (02 Nghị định của Chính phủ, 08 Thông tư hướng dẫn, 01 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản của Bộ Nông nghiệp và PTNT) đã quy định đầy đủ các nội dung về chống khai thác IUU. Hiện Bộ Nông nghiệp và PTNT đang tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định hướng dẫn thi hành Luật phù hợp với tình hình thực tế và theo khuyến nghị của EC như Nghị định số

26/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, Nghị định số 42/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

3.2. Theo dõi, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tàu cá, quản lý đội tàu

- Việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS) trên tàu cá có chiều dài từ 15 m trở lên trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tương đối tốt và có hiệu quả. Đến nay, có 3.201/3.260 đạt 98,20%. Hệ thống giám sát tàu cá, cơ sở dữ liệu giám sát tàu cá đã được kết nối, chia sẻ, được triển khai đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, đồng thời phân quyền truy cập cho các cơ quan, đơn vị chức năng liên quan (phân quyền cho 14 tài khoản) để theo dõi và phối hợp xử lý các vi phạm theo quy định bước đầu đã đạt được kết quả trong theo dõi, quản lý tàu cá hoạt động trên biển.

- Tổ chức trực hệ thống Trạm bờ 24/24 để theo dõi, tiếp nhận thông tin, phát hiện và xử lý tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển; không duy trì hoạt động hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển; công bố số điện thoại đường dây nóng.

- Số lượng tàu cá đã thực hiện đánh dấu theo quy định tại Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT là 5.430/5967 tàu, đạt 91%. Công tác quản lý đội tàu khai thác hải sản theo quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, đã có kết quả tích cực bước đầu theo hướng duy trì, không tăng số lượng tàu cá hiện có.

3.3. Chứng nhận sản lượng và truy xuất nguồn gốc thủy sản từ khai thác

- Nâng cao năng lực quản lý tại các cảng cá:

+ Quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ quản lý của Cảng cá phù hợp với Luật Thủy sản năm 2017, đặc biệt là gắn trách nhiệm quản lý trong việc kiểm tra, kiểm soát tàu cá, sản lượng thủy sản khi ra vào cảng.

+ Nâng cấp hệ thống xử lý môi trường tại Cảng cá Quy Nhơn, Cảng cá Đê Gi và cải tạo hạ tầng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm thủy sản cho các tàu cá khai thác.

+ Bố trí, quy định các khu vực cập bến, neo đậu tàu thuyền và thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát và hỗ trợ trong công tác chống khai thác IUU.

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng hình ảnh trực quan, loa phát thanh về chống khai thác IUU và Luật Thủy sản trực tiếp cho thuyền trưởng, thuyền viên và các đối tượng tham gia hoạt động thủy sản tại cảng cá.

+ Bảo đảm vệ sinh môi trường xung quanh cảng cá và trật tự tàu thuyền neo đậu, cập cảng và ra vào cảng theo đúng quy định của Luật Thủy sản.

+ Giám sát sản lượng thủy sản lên bến của các tàu cập cảng và thực hiện công tác xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác theo quy định.

- Tổ chức thực hiện việc chứng nhận, xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác hải sản đảm bảo thống nhất với hồ sơ kiểm soát tàu ra vào cảng, công tác xác nhận tại cảng cá, chứng nhận tại Chi cục Thủy sản.

3.4. Thực thi pháp luật

- Tình hình tàu cá vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài từ năm 2020 đến nay, kết quả điều tra, xử lý từng vụ việc vi phạm

+ Năm 2020: có 11 tàu/73 thuyền viên (*giảm 8 tàu so với năm 2019 (19 tàu)*), trong đó: có 6 tàu bị bắt giữ, 02 tàu được thả về, 01 tàu bị đâm chìm trên vùng biển nước khác, 02 tàu cá hoạt động ngoài sơ đồ ranh giới vùng biển Việt Nam. Tất cả các tàu cá trên đều xuất bến ngoài tỉnh, hàng năm không về địa phương (10 tàu ở Vũng Tàu, 01 tàu ở Kiên Giang). UBND tỉnh đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 08/11 trường hợp với tổng số tiền 7,2 tỷ đồng. Ngoài ra, quyết định tịch thu, bán sung công quỹ Nhà nước đối với 02 trường hợp tàu cá bị bắt và được thả về.

+ Năm 2021: có 16 tàu/97 thuyền viên (*Phù Cát: 14 tàu/ 85thuyền viên, Phù Mỹ: 02 tàu/ 12 thuyền viên*) bị các nước trong khu vực bắt giữ, toàn bộ các tàu trên đều xuất bến ngoài tỉnh (*tại Vũng Tàu: 15 tàu, Bình Thuận:01 tàu*), trong đó có 14 tàu chiều dài dưới 15 m, hoạt động vùng lộng (*không quy định lắp thiết bị GSHT*) và 02 tàu cá chiều dài trên 15 mét đã lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng từ ngày lắp đặt đến nay thiết bị không hoạt động và hàng năm không về địa phương. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 10/16 trường hợp với tổng số tiền 9 tỷ đồng.

+ UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tiến hành thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản của tất cả các tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài bị bắt; gửi đăng công khai trên website của Tổng cục Thủy sản về danh sách các tàu khai thác bất hợp pháp (IUU).

+ UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức kiểm điểm trách nhiệm chủ tàu, thuyền trưởng các tàu cá vi phạm; Kiểm điểm trách nhiệm cá nhân của Lãnh đạo UBND xã, UBND huyện, thị xã, thành phố có tàu cá vi phạm, bị nước ngoài bắt.

- Xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm về khai thác IUU: Công tác tuần tra, kiểm soát xử lý vi phạm về khai thác IUU đã có kết quả bước đầu, đã phát hiện vi phạm và xử phạt 257 trường hợp với tổng tiền phạt 1,3 tỷ đồng đối với các hành vi vi phạm cụ thể như: Khai thác thủy không có giấy phép; Khai thác thủy sản sai vùng; Sử dụng nghề, ngư cụ cấm khai thác, vận hành thiết bị giám sát hành trình không theo quy định, ghi thông tin nhật ký khai thác không đầy đủ...

IV. Đề xuất giải pháp, kiến nghị

1. Giải pháp khắc phục

1.1. Về thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy thủy sản

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành phát triển nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy thủy sản, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về thủy sản khắc phục những tồn tại hạn chế và đưa pháp luật đi vào cuộc sống, sản xuất thủy sản.

Về nuôi trồng thủy sản:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc và tạo mọi điều kiện thuận lợi cấp giấy xác nhận NTTS lồng bè và đối tượng thủy sản nuôi chủ lực theo quy định

- Tập trung đầu tư phát triển nuôi biển, phát triển nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng cường theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải của các cơ sở nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao.

Về chế biến thủy sản:

- Tập trung đầu tư phát triển chế biến xuất khẩu theo chiều sâu, đầu tư nâng cấp các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu để đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo môi trường theo quy định. Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, đông lạnh, đóng hộp cá ngừ và thủy sản khác. Việc xây dựng nhà máy đóng hộp là khả thi, mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư, đồng thời tăng sức cạnh tranh của sản phẩm cá ngừ, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động địa phương; kêu gọi hợp tác giữa các công ty khai thác, kinh doanh cá ngừ nước ngoài trong các khâu khai thác, thu mua, vận chuyển bằng các hình thức phù hợp (kể cả thu mua trực tiếp trên biển...), phát triển thương mại thủy sản trực tiếp nhằm tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu thủy sản của địa phương;

- Phát triển các cụm chế biến thủy sản, làng nghề chế biến, khu chế biến tập trung.... Tiếp tục thực hiện Quyết định 4180/QĐ-UBND, ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông, lâm, thủy, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Định giai đoạn 2020- 2025 nhằm thu hút nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: tăng cường công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực về chế biến và nuôi trồng thủy sản. Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút đãi ngộ nguồn nhân lực có trình độ cao, thực hiện cử tuyển đối với đào tạo nghề và các hệ đào tạo khai thác, chế biến, nuôi trồng thủy sản.

1.2. Về thực hiện chính sách pháp luật về kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định

- Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm, có kết quả các nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 4592/QĐ-UBND ngày

18/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp trực tuyến về chống khai thác IUU, chấm dứt tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài, gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu, trên địa bàn tỉnh Bình Định và Văn bản số 449/UBND-KT ngày 24/01/2022 Chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ để chấm dứt tình trạng tàu cá Bình Định vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền trực tiếp đến chủ tàu/thuyền trưởng tàu cá thường xuyên di chuyển ngư trường hoạt động ở các tỉnh phía Nam hàng năm không đưa tàu về địa phương, vì đây là nhóm tàu có nguy cơ cao vi phạm vùng biển nước ngoài. Vận động ngư dân cam kết không hoạt động khai thác thủy sản trái phép ở vùng biển thuộc chủ quyền của nước ngoài.

- Tăng cường quản lý, vận hành, xử lý thông tin hệ thống giám sát hành trình theo quy định. Bố trí, sắp xếp cán bộ, phân công trực hệ thống Trạm bờ giám sát hành trình 24/24 giờ đề theo dõi, giám sát tàu cá hoạt động trên biển từ hệ thống giám sát tàu cá để làm cơ sở phục vụ cho việc xác nhận nguyên liệu khai thác thủy sản theo đúng quy định; thông báo cho các đơn vị có liên quan biết tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển, bị mất tín hiệu kết nối trên biển ngay sau khi tàu về bờ và phối hợp làm việc với chủ tàu/thuyền trưởng để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tập trung tuyên truyền chống khai thác IUU, Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ đề ngư dân biết và thực hiện. Chỉ đạo BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh, các đơn vị liên quan tổ chức thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các chủ tàu cá vi phạm khai thác trái phép vùng biển nước ngoài theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra tàu cá rời cảng, cập cảng và giám sát sản lượng đối với tàu cập cảng, nhất là đối với có chiều dài dưới 15 mét. Thực hiện việc xác nhận, chứng nhận thủy sản theo đúng quy định. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bổ sung nhân lực và kinh phí cho cảng cá để đảm bảo giám sát 100% sản lượng thủy sản bốc dỡ qua cảng theo đúng quy định.

3. Kiến nghị

Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy sản và kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định tại Bình Định, UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội một số nội dung cụ thể như sau:

2.1. Về thực hiện chính sách pháp luật về quản lý nuôi, chế biến thủy thủy sản

- Có chính sách khuyến khích, ưu đãi các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nuôi biển và chế biến thủy sản xuất khẩu tại địa phương.

- Đề tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè và đối tượng thủy sản nuôi chủ lực, đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 36 của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, trong đó bãi bỏ quy định: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản*”

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sản xuất nuôi trồng và chế biến thủy sản để áp dụng thay cho QCVN 40-2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để phù hợp với thực tế sản xuất.

- Đề nghị Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung cách tính phí biến đổi theo điểm c khoản 2, điều 7 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP cho phù hợp thực tế với hàm lượng ô nhiễm của nước đầu vào và có chính sách ưu đãi, miễn hoặc giảm phí bảo vệ môi trường nước thải đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản quy mô lớn để thúc đẩy sản xuất đạt giá trị xuất khẩu thủy sản 10 tỷ USD vào năm 2025 theo mục tiêu, kế hoạch đề ra.

- Có chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút đãi ngộ nguồn nhân lực nuôi trồng, chế biến thủy sản có chuyên môn cao tham gia phát triển thủy sản.

2.2. Về thực hiện chính sách pháp luật về kiểm soát khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định

- Đề nghị Chính phủ chỉ đạo tăng cường các lực lượng chấp pháp trên biển như lực lượng Kiểm ngư, Cảnh sát biển, Hải quân tuần tra, kiểm soát góp phần ngăn ngừa tàu cá Việt Nam có ý định xâm phạm lãnh hải nước ngoài, đồng thời ngăn chặn tàu nước ngoài xâm phạm trái phép vùng biển Việt Nam, có phương án hỗ trợ và bảo vệ ngư dân bị hải tặc tấn công, bắt giữ, đòi tiền chuộc. Đồng thời, chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương, nhất là các tỉnh ở phía Nam tăng cường chỉ đạo việc tuyên truyền, kết hợp kiểm tra, kiểm soát, quản lý nghiêm đối với nhóm tàu cá ngoài tỉnh xuất, nhập bến thường xuyên tại các địa phương để phòng ngừa, hạn chế, ngăn chặn tàu cá Bình Định vi phạm khai thác thủy sản trái phép ở vùng biển nước ngoài.

- Đề nghị Bộ Ngoại giao công bố sơ đồ, phạm vi đánh bắt và ranh giới ngoài của vùng biển Việt Nam để làm cơ sở cho việc xử lý vi phạm và theo dõi, cảnh báo các tàu cá có nguy cơ hoạt động ngoài vùng biển Việt Nam để hạn chế tàu cá bị nước ngoài bắt giữ.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT:

+ Chỉ đạo Tổng cục Thủy sản tổ chức kiểm tra, đánh giá lại phạm mềm Hệ thống giám sát tàu cá tại Tổng cục Thủy sản và các thiết bị giám sát hành trình

của các đơn vị cung cấp theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ; sớm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá để làm cơ sở triển khai thực hiện; quy định trách nhiệm của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình không đảm bảo chất lượng.

+ Xem xét, rà soát, đánh giá trình Chính phủ bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của cả nước trong đó điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cảng cá Tam Quan từ cảng cá loại II qua nhóm cảng cá loại I và đầu tư kinh phí xây dựng cảng cá Tam Quan theo quy định. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác thực thi Luật Thủy sản và khắc phục cảnh báo thẻ vàng của EC.

(Các phụ lục và báo cáo của các đơn vị giám sát kèm theo)

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh Bình Định;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (15b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I:
CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA TỈNH VỀ QUẢN LÝ NUÔI,
CHẾ BIẾN THỦY SẢN

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /5/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên, trích yếu văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
I	Tỉnh Ủy			
1	Chương trình hành động về việc thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa (XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	22-CTr/TU	29/7/2019	Tỉnh ủy
2	Chương trình hành động về việc Phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2022;	08-CTr/TU	14/5/2021	Tỉnh ủy
3	Chương trình hành động về việc phát triển nông nghiệp UDCNC gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025	11-CTr/TU	14/5/2021	Tỉnh ủy
II	Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh			
1	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực Nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn tỉnh.	941/QĐ-UBND	23/3/2018	UBND tỉnh
2	Quyết định về việc quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh	40/2018/QĐ-UBND	20/7/2018	UBND tỉnh
3	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm cá Koi Nhật Bản- Bình Định, địa điểm xây dựng xã Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	4462/QĐ-UBND	17/12/2018	UBND tỉnh
4	Chỉ thị về việc tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nuôi trồng thủy sản	22/CT-UBND	19/12/2018	UBND tỉnh
5	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản Hoài Nhơn	4552/QĐ-UBND	20/12/2018	UBND tỉnh
6	Quyết định về Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực Nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh;	872/QĐ-UBND	19/3/2019	UBND tỉnh
7	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm công nghệ cao, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	2162/QĐ-UBND	26/6/2019	UBND tỉnh
8	Quyết định về việc phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát đảm bảo An toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	45/2019/QĐ-UBND	23/8/2019	UBND tỉnh

9	Chỉ thị về việc tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nuôi trồng thủy sản	14/CT-UBND	29/11/2019	UBND tỉnh
10	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định tiêu chí khu sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao và tiêu chí khu nuôi tôm thương phẩm ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Bình Định	419/QĐ-UBND	12/02/2020	UBND tỉnh
11	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực Nông nghiệp năm 2020 trên địa bàn tỉnh	1355/QĐ-UBND	13/4/2020	UBND tỉnh
12	Quyết định về việc phê duyệt Đề án thành lập Khu nông nghiệp UDCNC phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	2574/QĐ-UBND	29/6/2020	UBND tỉnh
13	Kế hoạch về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới;	82/KH-UBND	14/10/2020	UBND tỉnh
14	Chỉ thị về việc tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nuôi trồng thủy sản	18/CT-UBND	10/12/2020	UBND tỉnh
15	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch hành động bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm trong lĩnh vực Nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh	472/QĐ-UBND	04/02/2021	UBND tỉnh
16	Quyết định Ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị Quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển du lịch tỉnh Bình Định trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2020-2025	3806/QĐ-UBND	14/9/2021	UBND tỉnh
17	Quyết định Ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị Quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025	3808/QĐ-UBND	14/9/2021	UBND tỉnh
18	Quyết định Ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị Quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025	3810/QĐ-UBND	14/9/2021	UBND tỉnh
19	Chỉ thị về việc tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nuôi trồng thủy sản	20/CT-UBND	10/12/2021	UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục II:
CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH VỀ TRIỂN KHAI
GIẢI PHÁP CHỐNG KHAI THÁC IUU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /5/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên, trích yếu văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành
I Thường vụ tỉnh Ủy				
1	Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định	43/CT/TU	12/12/2018	Ban thường vụ Tỉnh Ủy
II Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh				
01	Chỉ thị: V/v thực hiện một số giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp không báo cáo và không theo quy định	20/CT-UBND	03/12/2018	UBND tỉnh
02	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện một số giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định.	645/QĐ-UBND	28/02/2018	UBND tỉnh
03	Quyết định về việc ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm soát nghề cá trên địa bàn tỉnh Bình Định.	875/QĐ-UBND	20/3/2018	UBND tỉnh
04	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 689/CT-TTg ngày 18/5/2010 và Công điện số 732/CĐ-TTg ngày 28/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngăn chặn, giảm thiểu và chấm dứt tàu cá và ngư dân Việt Nam khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài, trên địa bàn tỉnh Bình Định.	933/QĐ-UBND	23/3/2018	UBND tỉnh
05	Quyết định về Ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nghề cá trên địa bàn tỉnh Bình Định.	1625/QĐ-UBND	27/5/2018	UBND tỉnh
06	Quyết định về việc Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định trên địa bàn tỉnh Bình Định.	2938/QĐ-UBND	29/8/2018	UBND tỉnh
07	Quyết định về việc phê duyệt Đề án thực thi Luật Thủy sản năm 2017 và triển khai các giải pháp cấp bách về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định tại tỉnh Bình Định.	3444/QĐ-UBND	10/10/2018	UBND tỉnh
08	Quyết định v/v Ban hành Quy chế quản lý cảng cá trên địa bàn tỉnh	3710/QĐ-UBND	26/10/2018	UBND tỉnh
09	Quyết định V/v Ban hành Quy chế phối hợp xử lý các vụ tàu cá và ngư dân tỉnh Bình Định xâm phạm trái phép vùng biển nước ngoài bị bắt giữ, xử lý.	152/2017/QĐ-UBND	24/11/2017	UBND tỉnh

10	Quyết định : Ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định	1636/QĐ-UBND	16/5/2019	UBND tỉnh
11	Quyết định : ban hành quy định tiêu chí đặc thù của địa phương và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trên biển; quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong vùng nước nội địa trên địa bàn tỉnh BĐ	48/2019/QĐ-UBND	05/9/2019	UBND tỉnh
12	Quyết định : Công bố hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng lộng và vùng ben bờ của tỉnh Bình Định	1809/QĐ-UBND	28/5/2019	UBND tỉnh
13	Quyết định: V/v Ban hành Quy chế quản lý tàu cá đăng ký tại tỉnh Bình Định hoạt động khai thác thủy sản ngoài tỉnh	50/2019/QĐ-UBND	25/9/2019	UBND tỉnh
14	Quyết định ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi nghề cho ngư dân có họt động cấm khai thác thuy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định	4314/QĐ-UBND	20/11/2019	UBND tỉnh
15	Quyết định quy định chính sách hỗ trợ kinh phí mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá cho ngư dân trên địa bàn tỉnh Bình Định	80/2019/QĐ-UBND	26/12/2019	UBND tỉnh
16	Quyết định Công bố mở cảng cá Quy Nhơn	4123/QĐ-UBND,	06/10/2020	UBND tỉnh
17	Quyết định Công bố mở cảng cá Đề Gi	4124/QĐ-UBND	06/10/2020	UBND tỉnh
18	Quyết định công bố mở cảng cá Tam Quan	4954/QĐ-UBND	13/12/2021	UBND tỉnh
19	Quyết định Ban hành Kế hoạch thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về các giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2020	931/QĐ-UBND	18/03/2020	
20	Quyết định ban hành quy chế quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu của hệ thống giám sát tàu cá trên địa bàn tỉnh Bình Định	26/2020/QĐ-UBND	19/05/2020	UBND tỉnh
21	Quyết định: Ban hành Quy trình Tiếp nhận thông tin, xử lý dữ liệu giám sát hành trình đối với tàu cá tỉnh Bình Định có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên vượt ranh giới cho phép trên biển, không duy trì hoạt động hoặc vô hiệu hóa thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển	2498/QĐ-UBND	24/06/2020	UBND tỉnh
22	Quyết định v/v sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy chế quản lý tàu cá đăng ký tại tỉnh Bình Định hoạt động khai thác ngoài tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh	14/2021/QĐ-UBND	08/04/2021	UBND tỉnh
23	Quyết định: Ban hành Kế hoạch thực thi Luật Thủy sản năm 2017 và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về các giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo	1814/QĐ-UND	11/05/2021	UBND tỉnh

	của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021			
24	Quyết định: Ban hành Kế hoạch phối hợp thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động nghề cá trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021	2327/QĐ-UBND	11/06/2021	UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục III:

TÌNH HÌNH TÀU CÁ VI PHẠM KHAI THÁC HẢI SẢN Ở VÙNG BIỂN NƯỚC NGOÀI TỪ NĂM 2020 ĐẾN NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Thời gian bắt giữ	Thông tin tàu cá				Khu vực vi phạm (ghi rõ tọa độ)	Hình thức xử phạt của nước ngoài	Hình thức xử phạt của địa phương (chưa xử lý nêu rõ nguyên nhân, tiến độ xử lý)	Số Quyết định xử phạt
		Số đăng ký	Chủ tàu/ thuyền trưởng	Số lao động	Nghề khai thác				
1. Vi phạm bị nước ngoài bắt giữ, xử lý									
Indonesia									
1	19/04/2020	BĐ-30942-TS	Nguyễn Văn Hoang (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (3 ⁰ 43'N-104 ⁰ 43'E)	-	900 triệu	3683/QĐ-XPVPHC, ngày 07/9/2020
2	19/04/2020	BĐ-30919-TS	Nguyễn Văn Phụng (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (3 ⁰ 43'N-104 ⁰ 43'E)	-	900 triệu	497/QĐ-XPVPHC, ngày 08/02/2021
3	19/04/2020	BĐ-92039-TS	Nguyễn Văn Công (Mỹ Cát - Phù Mỹ)	6	Câu mực	Indonesia (3 ⁰ 43'N-104 ⁰ 43'E)	-	900 triệu	3796/QĐ-XPVPHC, ngày 15/9/2020
4	12/08/2020	BĐ-30829-TS	Phan Tý (Cát Tiến - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)	-	900 triệu	3535/QĐ-XPVPHC, ngày 25/8/2021
5	12/08/2020	BĐ-93212-TS	Trần Văn Quế (Cát Tiến - Phù Cát)	6	Lưới chụp	Indonesia (Không rõ tọa độ)	-	900 triệu	3533/QĐ-XPVPHC, ngày 25/8/2021
6	08/10/2020	BĐ-93656-TS	Mai Văn Sự (Cát Tiến - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)	-	900 triệu	3534/QĐ-XPVPHC, ngày 25/8/2021
7	03/04/2021	BĐ-31185-TS	Nguyễn Thành Tâm (Cát Tiến - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)	-	-	-
8	08/04/2021	BĐ-30135-TS	Nguyễn Văn Trung (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)	-	900 triệu	5208/QĐ-XPVPHC, ngày 28/12/2021

9	08/04/2021	BĐ-93277-TS	Nguyễn Thị Sang (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)	-	900 triệu	5210/QĐ-XPVPHC, ngày 28/12/2021
10	08/04/2021	BĐ-30925-TS	Phan Văn Trung (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)	-	900 triệu	5214/QĐ-XPVPHC, ngày 28/12/2021
11	16/05/2021	BĐ-93681-TS	Nguyễn Thị Lan (Cát Khánh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (4 ⁰ 18'79"N-105 ⁰ 04'15"E)	-	-	-
12	16/05/2021	BĐ-31184-TS	Giáp Văn Dũng (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)		900 triệu	5213/QĐ-XPVPHC, ngày 28/12/2021
13	16/05/2021	BĐ-93742-TS	Giáp Văn Trung (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)		900 triệu	5215/QĐ-XPVPHC, ngày 28/12/2021
14	16/05/2021	BĐ-30317-TS	Phan Tiến Dũng (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)		-	
15	16/05/2021	BĐ-30487-TS	Nguyễn Anh Mỹ (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)		900 triệu	4781/QĐ-XPVPHC, ngày 01/12/2021
16	17/05/2021	BĐ-30535-TS	Nguyễn Đình Thanh (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)			
17	17/05/2021	BĐ-30990-TS	Trương Tấn Thành (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Indonesia (Không rõ tọa độ)		900 triệu	4781/QĐ-XPVPHC, ngày 01/12/2021
Malaysia									
1	18/03/2020	BĐ-93359-TS	Đoàn Thị Đào (Cát Tiến - Phù Cát)	6	Câu cá ngừ	Malaysia (Không rõ tọa độ)	-	thuyền trưởng bị bắt chưa thả về	-
2	25/08/2020	BĐ-93321-TS	Đặng Ngọc Hồng (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Malaysia (Không rõ tọa độ)	-	900 triệu	4335/QĐ-XPVPHC, ngày 21/10/2020
3	25/08/2020	BĐ-93196-TS	Nguyễn Lin (Cát Minh - Phù Cát)	6	Lưới chụp	Malaysia (Không rõ tọa độ)	-	900 triệu	4334/QĐ-XPVPHC, ngày 21/10/2020
4	10/09/2020	BĐ-31174-TS	Phạm Thị Bông (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Malaysia (Không rõ tọa độ)	-	-	-
5	16/08/2020	BĐ-97029-TS	Đỗ Thị Mân (Hoài Thanh - Hoài Nhơn)	13	Lưới vây	Malaysia (Không rõ tọa độ)	-	-	-

6	11/02/2021	BĐ-30834-TS	Nguyễn Mạnh (Cát Minh - Phù Cát)	7	Câu mực	Malaysia (4 ⁰ 58.508'N- 104 ⁰ 09.256'E)	-	-	-
7	03/04/2021	BĐ-30156-TS	Nguyễn Sỹ Hùng (Cát Minh - Phù Cát)	6	Câu mực	Malaysia (Không rõ tọa độ)	-	900 triệu	5212/QĐ-XPVPHC, ngày 28/12/2021
8	03/04/2021	BĐ-94896-TS	Nguyễn Sĩ Kim (Mỹ Cát - Phù Mỹ)	6	Câu mực	Malaysia (5 ⁰ 04'N-104 ⁰ 57'E)	-	900 triệu	5211/QĐ-XPVPHC, ngày 28/12/2021
9	03/04/2021	BĐ-40848-TS	Lý Hiệp Cẩm (Mỹ Chánh - Phù Mỹ)	6	Câu mực	Malaysia (5 ⁰ 04'N-105 ⁰ E)	-	900 triệu	703/QĐ-XPVPHC, ngày 07/03/2022
10	02/04/2021	BĐ-31175-TS	Võ Định (Cát Tiến - Phù Cát)	6	Câu mực	Malaysia (Không rõ tọa độ)	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục IV:
KẾT QUẢ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TRÊN TÀU CÁ
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Số tàu cá phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình	Số lượng tàu (Chiếc)	Đã lắp đặt (Chiếc)	Chưa lắp đặt		Loại thiết bị đã lắp đặt		Ghi chú
				Số lượng	Nguyên nhân	Tên hãng/thiết bị	Số lượng (Chiếc)	
1	Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét	3192	3133	59	-Nằm bờ không đi khai thác. -Chưa cấp GPKTTS. -Thu hồi GPKTTS do chưa lắp GSHT.	VNPT	1867	
						Vishipel	1241	
						Viettel	6	
						Zunibal	5	
						Ltran	9	
						Bình Anh	4	
						Bách Khoa	1	
2	Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên	68	68	0		VNPT	25	
						Vishipel	42	
						Zuninal	1	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục V

**KẾT QUẢ XỬ LÝ TÀU CÁ MẮT KẾT NỐI, TÀU CÁ VI PHẠM VÙNG BIỂN NƯỚC NGOÀI QUA VMS
(Từ năm 2020 đến năm 2021)**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Hành vi	Số lượng tàu	Số lượn	Hình thức xử lý	Số Quyết định xử phạt	Số lượn	Nguyên nhân	Ghi chú
I. Tàu cá từ 15 mét đến dưới 24 mét do địa phương quản lý								
1	Tàu mắt kết nối	123	15	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 06 chủ tàu; Còn lại làm việc lập Biên bản kiểm điểm, nhắc nhở và cam kết không tái phạm		108	Hầu hết, các tàu hoạt động ngoài tỉnh, hàng năm không về địa phương	
2	Tàu bị cảnh báo vi phạm vùng biển nước ngoài	275	62	Biên bản làm việc, kiểm điểm, nhắc nhở và cam kết không tái phạm		213	Hầu hết, các tàu hoạt động ngoài tỉnh, hàng năm không về địa phương	
II. Tàu cá từ 24 mét trở lên (theo Thông báo của Tổng cục Thủy sản)								
1	Tàu mắt kết nối	4				4	Hầu hết, các tàu hoạt động ngoài tỉnh, hàng năm không về địa phương	

2	Tàu vi phạm vùng biển nước ngoài	3				3	Hầu hết, các tàu hoạt động ngoài tỉnh, hàng năm không về địa phương	
---	----------------------------------	---	--	--	--	---	---	--

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục VI:**KẾT QUẢ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN (từ năm 2020 đến 2021)**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên (Đơn vị)	Địa chỉ (Số)	Số ĐK tàu cá	Hành vi vi phạm	Số tiền bị xử phạt	Hình thức xử phạt bổ sung	Số Quyết định xử phạt	Ghi chú
I. Năm 2020								
1	Trần Duy Tân	Đức Phổ, Quảng Ngãi	QNg-98873- TS	không đánh dấu nhận biết tàu cá	6.000.000	không	001	
2	Huỳnh Đình Hiện	Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-98266- TS	không có chứng chỉ máy trường theo quy định	7.500.000	không	002	
3	Võ Thanh Huy (bị bắt ngày 23/12/2019)	Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	không số	KTTS kết hợp kích điện, không giấy phép KTTS, không đăng ký tàu cá theo quy định, không có bằng thuyền trưởng	70.000.000	tịch thu 1 cặp gọng xiếc, 1 lưới xiếc, 1 diamo, 1 bộ kích điện, 1 bình acquy,	003	Tịch thu tàu vỏ gỗ, Quyết định số 01/QĐ- TTTTVPT ngày 14.4.2021

4	Đào Tấn Đạt (bị bắt ngày 23/12/2019)	Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định	không số	KTTS kết hợp kích điện, không giấy phép KTTS, không đăng ký tàu cá theo quy định, không có bằng thuyền trưởng	70.000.000	tịch thu 1 cặp gọng gỗ 1 lưới xiếc, 1 diamo, 1 bộ kích điện, 1 bình acquy,	004	Tịch thu tàu vỏ gỗ, Quyết định số 02/QĐ- TTTTVPT ngày 14.4.2021
5	Nguyễn Văn Minh	Mỹ An, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-94032- TS	thuyền viên trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	005	
6	Nguyễn Công Hồ	Quy Nhơn, Bình Định	PY-40840-TS	thuyền viên trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	006	
7	Nguyễn Ngọc Viên	Sông Cầu, Phú Yên	PY-40585-TS	hết hạn giấy chứng nhận ATKT tàu cá	17.500.000	không	007	
8	Phan Văn Vương	Mỹ An, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-92153- TS	không có chứng chỉ thuyền trưởng theo quy định	7.500.000	không	008	
9	Nguyễn Văn Ngọc	Sông Cầu, Phú Yên	PY-96777-TS	hết hạn giấy phép KTTS, hết hạn giấy CNATKT tàu cá	57.500.000	tịch thu ngư cụ vi phạm, tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng 9 tháng	009	
10	Trương Hoài Khánh	Đông Đa, QN, Bình Định	BĐ-99279- TS	không thông báo đầy đủ thông tin cho tổ chức quản lý cảng cá trước khi vào hoặc rời cảng cá theo quy định	2.000.000	không	10	

11	Mai Trần Phiên	Cát Hải, Phù Cát, Bình Định	BĐ-30686-TS	không thông báo đầy đủ thông tin cho tổ chức quản lý cảng cá trước khi vào hoặc rời cảng cá Đề Gi theo quy định	3.500.000	không	11	
12	Trần Sương	Đức Phổ - Quảng Ngãi	QNg-98525-TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	12	
13	Huỳnh Văn Kết	Phù Cát - Bình Định	BĐ-93709-TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	13	
14	Võ Tiến Thêm	Phù Mỹ - Bình Định	KH-04933-TS	không có văn bằng chứng chỉ thuyền trưởng theo quy định	7.500.000	không	14	
15	Nguyễn Đủ	Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-96695-TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	15	
16	Lê Văn Hiền	Phù Cát - Bình Định	BĐ-93375-TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	16	
17	Nguyễn Minh Hải	Phù Mỹ - Bình Định	BĐ-94931-TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	17	
18	Nguyễn Minh Phước	Phù Mỹ - Bình Định	BĐ-94273-TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	18	
19	Hồ Văn Lập	Quy Nhơn-Bình Định	BĐ-11127-TS	viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định	2.500.000	không	19	

20	Nguyễn Hoài Vũ	Tuy An - Phú Yên	KH-01619-TS	không thông báo đầy đủ thông tin cho tổ chức quản lý cảng cá trước khi vào hoặc rời cảng cá theo quy định	3.500.000	không	20	
21	Đỗ Anh Tuấn	Phù Cát - Bình Định	BĐ-93213-TS	thuyền viên trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	21	
22	Lương Đình Hoa	Phù Cát - Bình Định	BĐ-93511-TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	22	
23	Đỗ Thành Được	Phước Thuận-Tuy Phước-Bình Định	không số	không giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, không giấy phép KTTS, không chứng chỉ thuyền trưởng, tàng trữ công cụ kích điện trên tàu cá để KTTS	42.500.000	tịch thu công cụ kích điện, lưới	24	
24	Nguyễn Trung Tài	Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định	BĐ-30893 - TS	tàng trữ công cụ kích điện trên tàu cá	12.500.000	Tịch thu 01 súng bắn điện và 100 m ống thờ kèm dây điện	25	
25	Nguyễn Văn Hòa	Quy Nhơn, Bình Định	BĐ-91102-TS	thuyền viên trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	27	
26	Nguyễn Văn Được	Phước Thuận-Tuy Phước-Bình Định	BĐ-01769-TS	viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định	2.500.000	không	28	
27	Ngô Cọt	Tam Quan Nam, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-95467 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	29	

28	Nguyễn Chí Thuận	Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-95909 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	30	
29	Nguyễn Toán	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-98566 - TS	người điều khiển tàu cá không có văn bằng thuyền trưởng theo quy định	7.500.000	không	31	
30	Trần Hòa Tiến	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-97520 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	32	
31	Nguyễn Thanh Tâm	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-96270 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	33	
32	Nguyễn Long	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-96742 - TS	Thuyền viên làm việc trên tàu không có tên trong sổ danh bạ thuyền viên	1.500.000	không	34	
33	Đặng Ngọc Toàn	Trần Phú, Quy Nhơn, Bình Định	BĐ-91394 - TS	viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định	2.500.000	không	36	
34	Hồ Văn Dũng	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-94913 - TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	37	
35	Phạm Hòa Khấp	Phù Cát - Bình Định	BĐ-93504 - TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	38	
36	Hồ Xuân Bôi	Đông Đa, QN, Bình Định	BĐ-91486 - TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	39	
37	Nguyễn Hải	Thị Nại, QN, Bình Định	BĐ-91410 - TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	40	

38	Trần Văn May	Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định	BĐ-93132 - TS	người điều khiển tàu cá không có văn bằng thuyền trưởng theo quy định	7.500.000	không	41	
39	Phan Văn Sang	Mỹ Thắng, Phù Mỹ	BĐ-94060 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	42	
40	Đoàn Ngọc Thọ	Mỹ An, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-92242 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	43	
41	Nguyễn Hữu Hạnh	Cát Thành - Phù Cát-Bình Định	BĐ-93276 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	44	
42	Huỳnh Văn Giữ	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-94506 - TS	người điều khiển tàu cá không có văn bằng thuyền trưởng theo quy định	7.500.000	không	45	
43	Trần Văn Minh	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-92196 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	46	
44	Trần Văn Tàu	Mỹ Thọ, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-92012 - TS	Thuyền viên, người làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	47	
45	Nguyễn Tấn Về	Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-95755 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	48	
46	Nguyễn Xuân Bảo	Cát Tiến, Phù Cát, Bình Định	BĐ-93003 - TS	Thuyền viên, người làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	49	

47	Nguyễn Phong	Mỹ An, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-94023 - TS	Thuyền viên làm việc trên tàu không có tên trong sổ danh bạ thuyền viên	1.500.000	không	50	
48	Võ Văn Bộ	Phước Lộc, La Gi, Bình Thuận	BTh-99987- TS	không thông báo đầy đủ thông tin cho tổ chức quản lý cảng cá trước khi vào hoặc rời cảng cá Đề Gi theo quy định	2.000.000	không	51	
49	Nguyễn Văn Dũng	Nhân Ân, Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định		Tàng trữ công cụ kích điện trên tàu cá, không có văn bằng chứng chỉ thuyền trưởng theo quy định	17.500.000	không	52	
50	Phan Văn Tấn	Nhân Ân, Phước Thuận, Tuy Phước, Bình Định		không có văn bằng chứng chỉ thuyền trưởng theo quy định	5.000.000	không	53	
51	Nguyễn Văn Thọ	Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-97875 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	54	
52	La Văn Hữu	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-95616 - TS	trang bị không đầy đủ thiết bị an toàn cho tàu cá	12.500.000	không	55	
53	Võ Văn Cường	Mỹ Thắng, Phù Mỹ	BĐ-92378 - TS	trang bị không đầy đủ thiết bị an toàn cho tàu cá	12.500.000	không	56	
54	Lê Đức Hoàng	Mỹ Đức, Phù Mỹ	BĐ-94945 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định đánh dấu nhận biết tàu cá sai quy định	10.000.000	không	57	

55	Phạm Văn Hường	Hoài Thanh, Hoài Nhơn	BĐ-95939 - TS	Thuyền viên, người làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	58	
56	Nguyễn Luộm	Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-98478 - TS	Thuyền viên, người làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	59	
57	Trần Ngọc Quân	Đức Phổ, Quang Ngãi	BĐ-94752 - TS	viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định	2.000.000	không	60	
58	Huỳnh Minh Dương	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-96544 - TS	đánh dấu nhận biết tàu cá sai quy định đối với tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m	5.000.000	không	61	
59	Phan Thanh Trung	Nhân Ân, Phước Thuận, Tuy Phước	BĐ-2883 - TS	không có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá theo quy định; tàu cá không viết số đăng ký tàu cá	10.000.000	không	62	
60	Trần Mua	Hoài Hải, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-95677 - TS	viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định	2.500.000	không	63	
61	Lê Thanh Dũng	Bình Đông, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Qng-90428- TS	Thuyền viên làm việc trên tàu không có tên trong sổ danh bạ thuyền viên	1.000.000	không	64	
62	Trần Văn Tấn	Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-97928- TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định đánh dấu nhận biết tàu cá sai quy định	7.500.000	không	65	

63	Phan Công Toàn	Mỹ Đức, Phù Mỹ	BĐ-92138 - TS	Thuyền viên, người làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân; Thuyền viên làm việc trên tàu không có tên trong sổ danh bạ thuyền viên	1.900.000	không	66	
64	Phan Văn Thư	TQN, Hoài Nhơn	BĐ- 97920 - TS	Thuyền viên, người làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân; Thuyền viên làm việc trên tàu không có tên trong sổ danh bạ thuyền viên	1.900.000	không	67	
65	Võ Văn Như	Hoài Hải, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-96365 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định đánh dấu nhận biết tàu cá sai quy định	7.500.000	không	68	
66	La Thanh Tri	Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-96823 - TS	Thuyền viên, người làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	69	
67	Phạm Vũ	Hoài Hải, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-97629 - TS	không có văn bằng chứng chỉ máy trưởng theo quy định đánh dấu nhận biết tàu cá sai quy định	7.500.000	không	70	

68	Nguyễn Văn Trông	Đức Phổ, Quảng Ngãi	BV-99433-TS	Thuyền viên, người làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân; Thuyền viên làm việc trên tàu không có tên trong sổ danh bạ thuyền viên	1.900.000	không	71	
69	Trần Ngọc Duy	Đức Phổ, Quảng Ngãi	BV-7534-TS	Thuyền viên, người làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân; Thuyền viên làm việc trên tàu không có tên trong sổ danh bạ thuyền viên	1.900.000	không	72	
70	Nguyễn Thanh Nhựt	Nhon Hội, Quy Nhơn, Bình Định	BĐ-1327-Ts	không viết số đăng ký tàu cá	2.000.000	không	73	
71	Huỳnh Ngọc Tùng	Nhon Hội, Quy Nhơn, Bình Định	BĐ-91411-TS	không thông báo thông tin theo quy định cho tổ chức quản lý cảng cá QN trước khi vào hoặc rời cảng theo quy định	2.000.000	không	76	
II. 2021								
1	Phạm Văn Tâm	Quy Nhơn, Bình Định	BĐ 91388 TS	Ghi không đúng hoặc ghi không đầy đủ nhật ký khai thác thủy sản, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 24 mét theo quy định	5.000.000	không	77	
2	Nguyễn Văn Thanh	Quảng Bình	QB 98048 TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	001	

3	Nguyễn Kim Diên	Quy Nhơn, Bình Định	BĐ 10409 TS	viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định	2.500.000	không	002	
4	Ngô Đức Tài	Phù Cát, Bình Định	BĐ 93577 TS	đánh dấu nhận biết tàu cá sai quy định	6.000.000	không	003	
5	Huỳnh Quang Chương	Phú Yên	PY 94426 TS	viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định	2.500.000	không	004	
6	Ngô Văn Cu	Hoài Hải, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ-96752 - TS	thuyền viên làm việc trên tàu cá không mang theo giấy tờ tùy thân	400.000	không	006	
7	Võ Văn Minh	Quy Nhơn, Bình Định		không viết số đăng ký tàu cá	2.500.000	không	007	
8	Nguyễn No	Quy Nhơn, Bình Định		không viết số đăng ký tàu cá	2.500.000	không	008	
9	Tô Thanh Tân	Mỹ Thọ, Phù Mỹ, Bình Định		Không duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét	20.000.000	tịch thu bằng thuyền trưởng 3 tháng	009	
10	Lê Văn Phong	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	KH 00148 TS	không viết số đăng ký tàu cá	2.000.000	không	10	
11	Phan Văn Hải	Hoài Mỹ, Hoài Nhơn, Bình Định	KH-05166 TS	không viết số đăng ký tàu cá	2.000.000	không	11	
12	Trần Thanh	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-94652 - TS	không có bằng thuyền trưởng theo quy định	7.500.000	không	12	
13	Huỳnh Văn Giới	Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-40233 - TS	không có chứng chỉ thuyền trưởng theo quy định	7.500.000	không	13	
14	Hồ Sung	Cát Khánh, phù cát, Bình Định	BĐ-93595 - TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	14	

15	Bùi Xuân Thành	Cát Khánh, phù cát, Bình Định	BĐ-93301 - TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	15	
16	Nguyễn Văn Tèo	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ-94706 - TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	không	16	
17	Nguyễn Hoàng Vinh	Mỹ Đức, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ 94181 TS	không thông báo thông tin cho tổ chức quản lý cảng cá trước khi vào hoặc rời cảng cá theo quy định	3.500.000	Không	17	
18	Phạm Duy Cường	Cát Khánh, phù cát, Bình Định	BĐ 93825 TS	tàu cá viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định	2.500.000	Không	18	
19	Trần Phúc	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ 94059 TS	không trang bị đầy đủ trang thiết bị an toàn tàu cá	12.500.000	Không	19	
20	Nguyễn Lộc	Cát Thành, phù cát, Bình Định	BĐ 93155 TS	không trang bị đầy đủ trang thiết bị an toàn tàu cá	12.500.000	Không	20	
21	Trần Văn Mầm	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ 92460 TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	Không	21	
22	Nguyễn Đức Tiến	An Quang Đông, Cát Khánh, Phù Cát, Bình Định	BĐ 93496 TS	thuyền viên trên tàu cá không có tên trong sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	1.500.000	Không	22	

23		Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 97101 TS	Không duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình trong quá trình hoạt động trên biển đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét	20.000.000	Tước quyền sử dụng chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá 3 tháng	23	
24	Lê Hoàng Vĩnh Phúc	TQN, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 98237 TS	không thực hiện quy định trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình hỏng	25.000.000	Không	24	
25	Cao Hữu Lục	Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 95914 TS	không thực hiện quy định trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình hỏng	25.000.000	Không	27	
26	Nguyễn Cán	Hoài Hải, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 96829 TS	tàu có chiều dài trên 15m đến dưới 24m đi khai thác thủy sản tại vùng lộng	25.000.000	Tước quyền sử dụng chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá 3 tháng 15 ngày	28	
27	Lê Văn Đoàn	Hoài Hải, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 96769	tàu có chiều dài trên 15m đến dưới 24m đi khai thác thủy sản tại vùng lộng	25.000.000	Tước quyền sử dụng chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá 3 tháng 15 ngày	29	
28	Lê Đình Cảnh	Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 97913	tàu có chiều dài trên 15m đến dưới 24m đi khai thác thủy sản tại vùng lộng	25.000.000	Tước quyền sử dụng chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá 3 tháng 15 ngày	31	

29	Phạm Hữu Phong	Hoài Mỹ, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 95679	tàu có chiều dài trên 15m đến dưới 24m đi khai thác thủy sản tại vùng lộng	25.000.000	Tước quyền sử dụng chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá 3 tháng 15 ngày	32	
30	Bùi Văn Hâm	Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 97609 TS	không thực hiện quy định trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình hỏng	20.000.000	Không	33	
31	Lê Quang Thận	Hoài Thanh, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 98109 TS	không thực hiện quy định trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình hỏng	20.000.000	Không	34	
32	Nguyễn Văn Phúc	Mỹ Đức, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ 94668 TS	không thông báo thông tin cho tổ chức quản lý cảng cá trước khi vào hoặc rời cảng cá theo quy định	2.000.000	Không	35	
33	Cao Ôm	Hoài Hương, Hoài Nhơn, Bình Định	BĐ 96613 TS	tàu có chiều dài trên 15m đến dưới 24m đi khai thác thủy sản tại vùng lộng	20.000.000	Tước quyền sử dụng chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá 1 tháng	36	
34		Phước Thuận - Tuy Phước	Không số	sử dụng công cụ kích điện		Tạm giữ tàu cá		
35	Nguyễn Đức Lợi	Đức Phổ-Quảng Ngãi		không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	Không	37	
36	Lê Văn Hùng	Hoài hương-Hoài Nhơn-Bình Định	BĐ 96962 TS	thuyền viên trên tàu cá không có tên trong sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	1.500.000	Không	38	

37	Trần Văn Cu	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định	BĐ 94938 TS	không có chứng chỉ máy trưởng theo quy định	7.500.000	Không	39	
----	-------------	-----------------------------	-------------	---	-----------	-------	----	--

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục VII:
CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG, BỘ VỀ QUẢN LÝ NUÔI,
CHẾ BIẾN THỦY SẢN

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /5/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên, trích yếu văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	Nghị quyết về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	36-NQ/TW	22/10/2018	TW Đảng	
2	Luật Thủy sản	18/2017/QH 14	21/ 11/ 2017	Quốc Hội	
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;	17/2018/NĐ-CP	02/02/2018	Chính phủ	
4	Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;	15/2018/NĐ-CP	02/02/2018	Chính phủ	
5	Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm	115/2018/NĐ-CP	4/9/2018	Chính phủ	
6	Thông tư Quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý MT NTTS.	26/2018/TT-BNNPTNT	15/11/2018	Bộ NN	
7	Thông tư quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản	24/2018/TT-BNNPTNT	15 /11/2018	Bộ NN	
8	Thông tư quy định việc thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38/2018/TT-BNNPTNT	25/12/2018	Bộ NN	
9	Thông tư quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17/2018/TT-BNNPTNT	31/10/2018	Bộ NN	
10	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản	26/2019/NĐ-CP	08/ 3/ 2019	Chính phủ	
11	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản	42/2019/NĐ-CP	16/5/2019	Chính phủ	
12	Thông tư Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về TĂ thủy sản	07/2019/TT-BNNPTNT	07/8/2019	Bộ NN	
13	Thông tư Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về về sản phẩm xử lý môi trường NTTS	08/2019/TT-BNNPTNT	09/8/2019	Bộ NN	

14	Thông tư Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	25/2019/TT-BTNMT	21/12/2019	Bộ TN	
15	Chỉ thị về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới	17/CT-TTg	13/4/2020	Thủ tướng	
16	Thông tư Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về về sản phẩm xử lý môi trường NTTS	03/2020/TT-BNNPTNT	02/3/2020	Bộ NN	
17	Thông tư Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia TĂ chăn nuôi và nguyên liệu SX TĂ thủy sản	04/2020/TT-BNNPTNT	09/3/2020	Bộ NN	
18	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giống thủy sản	05/2020/TT-BNNPTNT	16/3/2020	Bộ NN	
19	Thông tư Ban hành sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190: 2020/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về TĂ chăn nuôi - hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn trong thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu TĂ thủy sản.	05/2021/TT-BNNPTNT	30/6/2021	Bộ NN	
20	Thông tư Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường	10/2021/TT-BTNMT	30/6/2021	Bộ TN	
21	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giống thủy sản	14/2021/TT-BNNPTNT	01/12/2021	Bộ NN	
22	Thông tư quy định việc truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17/2021/TT-BNNPTNT	20/12/2021	Bộ NN	
23	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	01/2022/TT-BNNPTNT	18/01/2022	Bộ NN	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH